



BỘ TƯ PHÁP
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP
LÝ LIÊN NGÀNH CHO DNNVV
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025



HIỆP HỘI DNNVV VIỆT NAM
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁP LUẬT
VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU ĐẠI DỊCH COVID-19 NHỮNG VẤN ĐỀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CẦN LƯU Ý



Ảnh minh họa (Nguồn: Internet)

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

- 1** Nhìn lại tổng quan một số cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, trợ giúp doanh nghiệp phục hồi kinh tế do tác động khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19
ThS. Dương Hương Quế
- 6** Đánh giá khả năng thích ứng với chính sách của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cuộc khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19
ThS. Vũ Hải Việt
- 11** Những nội dung quan trọng liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
LS Trần Văn Chương
- 16** Thực tiễn áp dụng chính sách hỗ trợ miễn giảm về thuế, phí, lệ phí giúp doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch Covid-19
Nguyễn Thị Thanh Bình
- 21** Thực tiễn thi hành các chính sách hỗ trợ về lao động, an sinh xã hội giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sau đại dịch, những vướng mắc cần tháo gỡ
Đặng Hoàng Hà
- 25** Thực tiễn áp dụng chính sách hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19
ThS. Vũ Hải Việt
- 32** Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19 tại Thành Phố Hồ Chí Minh
TS. Trần Văn Duy
- 36** Thành phố Hồ Chí Minh với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19
ThS. Trương Thị Minh Thùy
- 41** Thành phố Hà Nội với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19
TS.NCVC. Trần Văn Duy
- 47** Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cần sự kết hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ ngành liên quan
Luật sư Lê Văn Nhật
- 54** Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cần gắn kết với nhu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19
Bùi Huyền
- 58** Tăng cường hỗ trợ về thông tin để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được với các chính sách, quy định mới nhằm phục hồi nhanh và bền vững
ThS. Nguyễn Thị Vinh

"Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. Quan điểm trong nghiên cứu này là của tác giả và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực; không đại diện cho quan điểm của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 và Bộ Tư pháp"

NHÌN LẠI TỔNG QUAN MỘT SỐ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH NHẪM THÚC ĐẨY SẢN XUẤT, KINH DOANH, TRỢ GIÚP DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI KINH TẾ DO TÁC ĐỘNG KHỦNG HOẢNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19

ThS. Dương Hương Quế

Đại học Thủy Lợi

Đại dịch Covid-19 đã tác động lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và của người dân. Thời gian qua, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt, kịp thời ban hành các giải pháp đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn của dịch bệnh. Doanh nghiệp cũng linh hoạt và áp dụng nhiều sáng kiến để khắc phục tác động tiêu cực của dịch bệnh, duy trì sản xuất. Tuy nhiên, nhiều khó khăn vẫn đang còn tồn tại và cần phải có những giải pháp cụ thể tích cực hơn để những chính sách đó phát huy được hiệu quả thực sự..

1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Việt Nam đã trải qua 4 đợt bùng phát dịch bệnh Covid-19, nghiêm trọng và phức tạp hơn cả là đợt bùng phát dịch thứ tư (từ ngày 27/4/2021 đến nay) với những biến thể mới nguy hiểm, lây lan nhanh trong cộng đồng. Các đợt dịch đã tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm, nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp là một trong những chủ thể chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong hai năm 2020 và 2021 chỉ đạt tương ứng 2,91% và 2,58%, mức thấp nhất kể từ khi đổi mới đến nay. Các ngành kinh tế chịu tác động lớn bởi dịch bệnh là thương mại, dịch vụ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2021, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 4,05% bằng khoảng 1/2 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch; khu vực thương mại dịch vụ tăng 1,22% chỉ bằng 1/7 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch. Đáng

chú ý có nhiều lĩnh vực chịu tác động nặng nề và có sự suy giảm sâu so với thời điểm trước đại dịch như: Du lịch lữ hành, dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng...

Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự tăng trưởng khá ổn định, trở thành bệ đỡ vững chắc cho nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Năm 2021, ngành này tăng trưởng 2.9% đóng góp 13,97% vào tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài nên việc tiêu thụ các mặt hàng nông sản, thủy sản cũng bị ảnh hưởng lớn, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục xu hướng tăng (riêng các nhà máy thủy sản đã có 103/449 nhà máy phải đóng cửa (trong đó có 19 nhà máy có F0), các đơn hàng/hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của hầu hết các doanh nghiệp đều giảm. Do dịch nên hoạt động du lịch, dịch vụ nhà hàng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt các địa phương áp dụng giãn cách khiến nhu cầu tiêu dùng nông sản sụt giảm nên doanh thu giảm mạnh; giá thành sản xuất hàng hoá tăng do chi phí đầu vào, chi phí vận chuyển hàng hoá tăng trong khi giá bán giảm. Giá nguyên liệu sản xuất phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản nuôi...tăng



(Nguồn: Internet)

cao, chi phí vận chuyển logistics tăng 2-4 lần, có thời điểm tăng đến 5 lần so với trước khi có dịch. Đối với mặt hàng nông sản, sản phẩm tươi sống chưa qua chế biến đặc biệt đối với hàng nông sản cao cấp cần vận chuyển hàng không, chi phí vận chuyển tăng mạnh khiến cho nhiều doanh nghiệp không thể xuất hàng, tạm thời phải đóng cửa. (Báo cáo kinh tế xã hội – Tổng cục Thống kê)

Doanh nghiệp rất khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền để trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn. Hầu hết, các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đều phản ánh do nhu cầu, đơn hàng, doanh thu đều sụt giảm mạnh, các doanh nghiệp không có dòng tiền vào nên không có tiền để chi trả các khoản chi phí cho người lao động, không thể trả lãi vay đúng hạn, dẫn đến tình trạng nợ xấu, khó có thể vay khoản vay mới.

Trong khi kinh doanh bị sụt giảm, thậm chí đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh do phải thực hiện các chính sách giãn cách xã hội, các doanh nghiệp vẫn phải chi trả tiền thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ không thể trực tiếp thuê đất của nhà nước hay thuê mặt bằng tại các cụm, các khu công nghiệp mà phải thuê từ

khu vực tư nhân trong khi chưa có chính sách hỗ trợ nào từ nhà nước.

Lưu thông hàng hoá khó khăn, kể cả lưu thông trong nước, giữa các tỉnh, thành phố do có sự kiểm soát không thống nhất giữa các tỉnh thành trên phạm vi cả nước. Việc áp dụng các chính sách giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành trên cả nước đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhất là khâu tổ chức, lưu thông hàng hoá.

Việc tiêu thụ sản phẩm cũng bị ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid-19, hàng hoá chậm lưu thông hết hạn sử dụng phải huỷ bỏ, con giống nếu không được tiêu thụ kịp thời là phải huỷ bỏ hàng trăm ngàn, hàng triệu con giống (con giống gia cầm 1 ngày tuổi)

Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, là điểm sáng của nền kinh tế nhưng tốc độ chậm hơn so với giai đoạn trước đại dịch do các nước đối tác gặp nhiều khó khăn và sự đứt gãy của một số chuỗi cung ứng toàn cầu. Dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp phải lựa chọn phương án sản xuất “3 tại chỗ” hoặc “1 cung đường, 2 điểm đến” nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, gây nên chi phí vận hành rất lớn. Lao động thiếu hụt

do nghỉ việc, cung ứng nguyên vật liệu bị gián đoạn nên nhiều doanh nghiệp đã không thể hoàn thành đơn hàng đúng hạn, phải giãn hoặc hủy bỏ hợp đồng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tăng trưởng sản xuất mà còn tác động đến tiến độ hoàn thành nhiều dự án, công trình quan trọng mang tính chiến lược quốc gia.

Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên khiến không ít doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh hoặc kinh doanh cầm chừng. Đã có 85,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng đầu năm 2021, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó bao gồm: 43,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, 30,1 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, 12,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (Nguồn: Báo cáo VCCI Cho đường dẫn).

2. Một số cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, trợ giúp doanh nghiệp phục hồi kinh tế do tác động khủng hoảng bởi đại dịch covid-19

Ngay từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời ban hành nhiều chính sách nhằm mục đích hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua và phục hồi sau dịch bệnh. Các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, trợ giúp doanh nghiệp phục hồi kinh tế gồm các chính sách liên quan đến: chính sách tiền tệ, trọng tâm là cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi suất, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trả lương cho người lao động. Cụ thể:

Trong năm 2020, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành một số chính sách miễn giảm các loại thuế, phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, giảm áp lực tài chính như: Gia hạn nộp tiền thuê đất; gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, như:

- Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;

- Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19 và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết ban hành Nghị quyết này.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách này trên thực tế cũng có nhiều bất cập chẳng hạn như: giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH cũng không có tác dụng cho doanh nghiệp trong ngành, trong khi đây là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất trong các đợt dịch bùng phát. Thêm vào đó tình hình tiếp cận hẹp và khó do quy trình và thủ tục phức tạp đặc biệt là thủ tục chứng minh tài chính, mức độ đáp ứng thấp thì sự tác động của chính sách trên cũng không đáng kể.

Một số các quy định nhằm hỗ trợ vốn, tín dụng bao gồm: cho vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi suất vay:

- Nghị quyết số 42/NQ-CP, Nghị quyết số 154/NQ-CP về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

- Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

- Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do COVID-19.

Một số doanh nghiệp được giải ngân, tiếp cận với chính sách này tuy nhiên một số khó khăn trong khâu thủ tục mà gói hỗ trợ cho vay 16.000 tỷ đồng lãi suất 0% dành cho doanh nghiệp để trả lương cho người lao động mất việc vì COVID-19 theo Nghị quyết 42/NQ-CP



Hội nghị hỗ trợ pháp lý cho DN phục hồi sau do tạp chí dân chủ pháp luật phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương

và Quyết định 15/QĐ-TTg từ năm 2020 gần như không có được kết quả bao nhiêu. Hay gói 26.000 tỷ đồng hỗ trợ doanh nghiệp vay theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định 23/QĐ-TTg, số doanh nghiệp nộp hồ sơ vay vốn trả lương cho người lao động rất ít so với nhu cầu mà lý do bởi các điều kiện doanh nghiệp khó đáp ứng được trong điều kiện bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh.

Với việc đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện phòng chống COVID-19 sang một giai đoạn mới, từ chủ trương theo đuổi “zero-covid” sang thích ứng kiểm soát hiệu quả dịch covid-19 khi thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính Phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả covid-19” cùng các gói hỗ trợ người dân, doanh nghiệp của Chính phủ, tình hình kinh tế- xã hội đang bước vào phục hồi. Đây là chính sách có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nền tảng cho quá trình phục hồi sản xuất, kinh doanh trong điều kiện “bình thường mới” sau dịch bệnh.

Con số 11.900 doanh nghiệp thành lập mới, hơn 4.950 đang quay trở lại hoạt động trong tháng

11/2021 cho thấy các gói hỗ trợ đang được nền kinh tế hấp thụ tốt. Tuy nhiên trong thời gian này số lượng doanh nghiệp ngừng phá sản vẫn chưa dừng lại, doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn vì vừa đảm bảo an toàn cho dịch bệnh cho người lao động vừa duy trì sản xuất trong khi nguồn lực cạn kiệt do chưa được tiếp sức kịp thời.

Bên cạnh đó, một số những chính sách để giảm, gia hạn tiền thuê đất trong năm 2021:

- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày về gia hạn tiền thuê và tiền thuê đất trong năm 2021,
- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;
- Quyết định 1447/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Thành lập tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.
- Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động

và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19,

- Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ cho khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 và các Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01.

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19...

Nghị Quyết số 105 đã đưa ra một loạt quan điểm về chống dịch và phát triển kinh tế, trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động của các DN-HTX-HKD trong thời gian gần đây.

Trong đó, Chính phủ xác định “Kiên trì, quyết liệt phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm “chống dịch như chống giặc”; “đảm bảo hài hoà, hợp lý, hiệu quả giữa phòng,

chống dịch và sản xuất kinh doanh”; “chống dịch để sản xuất và sản xuất để chống dịch”, “Lợi ích hài hoà, rủi ro chia sẻ”; chú trọng hiệu quả, không phô trương, hình thức, nói đi đôi với làm, lấy người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh làm trung tâm phục vụ, đồng thời là chủ thể tham gia phòng chống dịch.”. Có thể nói những nội dung của Nghị quyết là cứu cánh cho doanh nghiệp, đáp ứng mong mỏi và kiến nghị liên tục của các doanh nghiệp.

Các chính sách ứng phó với đại dịch Covid-19 của Việt Nam thời gian qua cơ bản phù hợp với diễn biến và tác động của dịch bệnh; phù hợp với một số quốc gia được người dân và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần kiểm soát dịch bệnh, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, duy trì triển vọng kinh tế tích cực trong thời gian tới; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội sau tác động của đại dịch Covid-19.

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI CHÍNH SÁCH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG CUỘC KHỦNG HOẢNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID19

ThS. Vũ Hải Việt

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp

1. Dẫn nhập

Thời gian qua, trên Thế giới và ở Việt Nam, đại dịch Covid-19 đã và đang đặt ra những thách thức chưa từng có tiền lệ và những khó khăn vô cùng to lớn đối với toàn bộ nền kinh tế và đời sống củ người dân. Từ đầu năm 2020 đến nay, Việt Nam đã trải qua 04 đợt dịch Covid-19 với mức độ nguy hiểm và quy mô lớn, lan rộng tại nhiều tỉnh, thành phố lớn, tập trung đông dân, cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách liên tiếp từ quý III/2021 tại các tỉnh, thành phố, trung tâm kinh tế lớn khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề. Sức chống chịu của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVV – với nguồn vốn chiếm tới 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam) càng bị suy giảm, thể hiện qua bức tranh về số doanh nghiệp gia nhập và rút lui khỏi thị trường.

Trong tháng 10/2021, cả nước có 8.233 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 108,6 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 58,8 nghìn lao động, tăng 111,2% về số doanh nghiệp, tăng 73,9% về vốn đăng ký và tăng 17,9% về số lao động so với tháng 9/2021; so với cùng kỳ năm 2020, giảm 32,5% về số doanh nghiệp, giảm 34,4% về số vốn đăng ký và giảm 18,8% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 13,2 tỷ đồng, giảm 17,6% so với tháng trước và giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng, cả nước còn có 4.304 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 29,8% so với tháng trước và giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Tính chung 10 tháng năm 2021, cả nước có 93,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là gần 1.304,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 707,7 nghìn

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(10 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước)



(Nguồn: MPI)

lao động, giảm 15,7% về số doanh nghiệp, giảm 18,2% về vốn đăng ký và giảm 16,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng đạt 13,9 tỷ đồng, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.879,3 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 34,6 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 10 tháng năm nay là 3.183,6 nghìn tỷ đồng, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 35,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 6,3% so với 10 tháng năm 2020, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng lên 129 nghìn doanh nghiệp, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 12,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, 10 tháng năm nay có 1.603 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 26,7% so với cùng kỳ năm trước; 25,2 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 24,6%; 66,9 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 11,5%.

Cũng trong tháng 10/2021, có 3.492 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 55,9% so với tháng trước và tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020; có 3.048 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 21,5% và giảm 14,8%; có 806 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 33% và giảm 43%.

Tính chung 10 tháng năm 2021, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 48,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước; 35 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 15,7%; 13,6 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,8%, trong đó có 12,1 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng

1,1%; 162 doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng, giảm 27,4%. Bình quân một tháng có 9,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường¹.

2. Nguyên nhân sức chống chịu của doanh nghiệp suy giảm

Thứ nhất, do năng lực tài chính hạn hẹp, thiếu vốn: DNNVV với các đặc điểm cố hữu là quy mô nhỏ, năng lực tài chính yếu và những hạn chế trong tiếp cận công nghệ, quản trị doanh nghiệp cũng như thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao khi gặp đại dịch Covid-19 cùng các đợt giãn cách liên tục và kéo dài đã làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của các DNNVV đẩy doanh nghiệp vào tình trạng thiếu hụt dòng tiền, suy giảm khả năng trả nợ và lãi vay đúng hạn, tiềm tàng nguy cơ mất thanh khoản.

Khảo sát do Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) và Báo điện tử VnExpress thực hiện trong tháng 8/2021 với 21.500 doanh nghiệp cho thấy, trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động nặng nề, doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về dòng tiền. Trong đó, khó khăn tài chính lớn nhất, mà nhiều doanh nghiệp phải đối mặt, là trả tiền lương cho người lao động; tiếp đến là trả lãi vay cho ngân hàng, trả tiền thuê đất, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho khu vực tư nhân, đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trả nợ gốc cho ngân hàng, thanh toán tiền điện, nước, nhiên liệu đầu vào, chi phí xét nghiệm Covid-19 và các khoản chi khác theo yêu cầu chống dịch.

Thứ hai, do thiếu hụt lao động sau đại dịch: Thiếu hụt lao động sau đại dịch Covid-19 không còn là nguy cơ, mà đã tác động trực tiếp, làm chuỗi cung ứng bị đứt gãy nguyên nhân là do cắt giảm lao động trong các đợt dịch Covid-19: “Covid-19 gây ra thiệt hại diện rộng các ngành, chuỗi cung ứng đứt gãy, thị trường khủng hoảng... khiến doanh nghiệp không còn khả năng

¹ Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 10 và 10 tháng năm 2021, <https://www.mpi.gov.vn/pages/tinbai.aspx?idTin=52011&idcm=188>. Ngày đăng: Ngày 29/10/2021-10:45:00 AM.

thanh toán và gây ra áp lực kép cho họ bởi vẫn phải bảo đảm các khoản chi ngay cho nguyên liệu, nhân công”. Tác động của đợt dịch thứ hai khiến hơn 47% doanh nghiệp phải cắt giảm lao động. Ngành du lịch bị ảnh hưởng nặng nề nhất do không có khách hàng. Các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ làm dịch vụ đại lý tour, bán vé phần lớn sa thải toàn bộ nhân viên; doanh nghiệp lữ hành quốc tế tỷ lệ này là 80%, còn với doanh nghiệp lớn 40-50%. Không riêng ngành du lịch, cắt giảm lao động là “động thái chung của nhiều doanh nghiệp, lĩnh vực trong đợt dịch bùng phát lần 2”².

Thứ ba, khả năng tiếp cận công nghệ, chuyển đổi số còn hạn chế: Đa phần các DN NVV có nguồn vốn nhỏ, năng lực tài chính yếu do không có tài sản hoặc ít tài sản thế chấp, trong khi các thiết bị công nghệ, giải pháp chuyển đổi số chuyên nghiệp và hiệu quả có chi phí rất lớn. Bên cạnh đó, việc thiếu nhân lực được đào tạo bài bản, thiếu tư vấn cũng khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn, không có đủ nguồn lực để đầu tư cho chuyển đổi số. Ngoài ra, đa phần các DN NVV phải tập trung kinh doanh với mục đích tồn tại, họ có rất ít thời gian để tập trung vào việc chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

Thứ tư, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa: Đại dịch Covid-19 kéo dài trong năm 2021 đã khiến chuỗi cung ứng hàng hóa giữa các tỉnh thành, địa phương trong cả nước bị đứt gãy nghiêm trọng, thị trường suy giảm, thậm chí đóng băng do hệ thống phân phối và bán lẻ ngưng hoạt động. Ngoài ra, các vấn đề khác, như: Chuỗi cung ứng toàn cầu gián đoạn; chi phí và thời gian vận tải tàu biển tăng; thời gian bốc dỡ hàng hóa kéo dài; thiếu hụt dịch vụ hải quan, kho bãi; thiếu phương tiện và người vận chuyển hai chiều từ các khu công nghiệp và cảng biển; thiếu dịch vụ tư và dịch vụ công cảng làm tình hình thêm trầm trọng.

² Hàng loạt doanh nghiệp phải sa thải lao động vì đợt dịch mới, <https://vnexpress.net/hang-loat-doanh-nghiep-phai-sa-thai-lao-dong-vi-dot-dich-moi-4157227.html>. Ngày đăng: Thứ bảy, 5/9/2020, 13:14 (GMT+7).

Hệ thống cung ứng vật tư, thiết bị đầu vào cho sản xuất hàng hóa cũng bị tổn hại nghiêm trọng. Vật tư khan hiếm do chuỗi cung ứng nguyên nhiên vật liệu đứt gãy từ đầu vào nhập khẩu, nguyên vật liệu nhập khẩu hạn chế.

Thứ năm, rủi ro về thị trường do sự thay đổi thị hiếu của khách hàng: Đại dịch Covid-19 đã thay đổi người tiêu dùng toàn cầu - từ quan điểm về giá trị, hành vi, cho tới cách thức tiêu dùng. Do đó, những thay đổi này chắc chắn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

3. Một số giải pháp nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp

Với quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính yếu, thiếu khả năng tiếp cận công nghệ do khó khăn về vốn và chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị chưa được chú trọng, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DN NVV) còn nhiều hạn chế về tiềm lực và khả năng chống chịu. Những tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19 kéo dài đã khiến các doanh nghiệp này càng bộc lộ những điểm yếu, năng lực chống chịu bị suy giảm đáng kể, sức lực bị bào mòn, nhiều doanh nghiệp phải rút lui khỏi thị trường. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, khủng hoảng là thách thức, nhưng cũng có thể là cơ hội, là động lực để doanh nghiệp thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Những doanh nghiệp thích ứng tốt, chấp nhận đổi mới để thích nghi ngay trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn có thể tồn tại và phát triển mạnh mẽ, bởi đây là lúc để doanh nghiệp triển khai các ý tưởng, nắm bắt thời cơ tìm ra hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường.



(Ảnh: Nguồn Internet)

Thời gian qua, các chính phủ trên toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã phản ứng nhanh chóng và mạnh mẽ trước những thách thức chưa từng có mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) đã và đang phải đối mặt do đại dịch COVID-19, thông qua một loạt các biện pháp kích thích và hỗ trợ. Các biện pháp này tập trung vào hỗ trợ thanh khoản khẩn cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng dần dần đi kèm với hỗ trợ cấu trúc và các gói phục hồi rộng hơn. Cả chính quyền trung ương, khu vực và địa phương đều tham gia vào nỗ lực chính sách³.

Để nâng cao sức chống chịu, cũng như khả năng thích ứng trong tình hình dịch bệnh hiện nay nói riêng và trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động tiêu cực nói chung, cần xem xét một số giải pháp, cụ thể như sau:

2.1. Về phía doanh nghiệp

Một là, cần giải quyết ngay những vấn đề phát sinh đột xuất, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ, thiết lập đội phản ứng nhanh để xử lý các vấn đề bất thường phát sinh về an toàn lao động, nguồn cung ứng, nguyên liệu sản xuất. Cân đối dòng tiền, cắt giảm các khoản chi tiêu chưa cần thiết và theo dõi chặt chẽ công nợ. Xem xét hoãn lại các kế hoạch mua sắm tài sản và lựa chọn các giải pháp thay thế, như: đi thuê tài sản để duy trì lượng tiền mặt dự phòng đủ lớn.

Hai là, bảo đảm hiệu quả nguồn vốn hoạt động và dòng tiền của doanh nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, như: xây dựng kế hoạch huy động vốn từ các nhà đầu tư, huy động vốn từ vốn góp ban đầu; huy động vốn từ lợi nhuận không chia mà dùng để tái đầu tư; huy động vốn từ phát hành cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán; huy động bằng tín dụng ngân hàng thông qua hợp đồng vốn với ngân

hàng thương mại; huy động bằng tín dụng thương mại và huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Đối với DNNVV, cần tìm kiếm nguồn vốn duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua Quỹ Phát triển DNNVV, Quỹ bảo lãnh tín dụng, ngân hàng thương mại qua các gói sản phẩm dành riêng cho DNNVV. Rà soát lại danh mục đầu tư và bán hoặc thoái vốn phù hợp với tình hình, phân bổ lại nguồn lực đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả và tối ưu các khoản vay. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng xem xét lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng và chính sách giá; rà soát lại công tác mua sắm và chi phí cho chuỗi cung ứng, tối ưu thuế và tối ưu vốn lưu động.

Ba là, xây dựng các giải pháp hiệu quả hỗ trợ người lao động như: trả “lương tạm nghỉ việc”; hỗ trợ tài chính để khuyến khích người lao động quay trở lại làm việc; tăng lương, thưởng, phúc lợi khi doanh nghiệp đi vào phục hồi sản xuất có hiệu quả. Tập trung hỗ trợ, tư vấn và hướng dẫn người lao động, người sử dụng lao động trong hoàn thiện thủ tục, giấy tờ để nhận các gói hỗ trợ lao động gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19.

Bốn là, các doanh nghiệp cần đổi mới tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh; thực hiện tiết kiệm, cắt giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm; đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào; tăng cường liên kết thông qua các chuỗi cung ứng và mạng lưới các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng và địa phương.

Năm là, tập trung đầu tư cho nghiên cứu phát triển, gắn đổi mới sáng tạo với các cấu phần khác của chiến lược như sản xuất, kinh doanh, chú trọng khâu quảng cáo, tài chính, logistics, nhân sự... Thay thế các hình thức, phương thức kinh doanh, các sự kiện bán hàng theo kiểu truyền thống bằng các giải pháp công nghệ mới để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin, kinh doanh trên các sàn giao dịch điện tử; quyết liệt thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

³ Các công cụ chính sách giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng phó với đại dịch COVID-19, <http://sokhoahoccongnghie.phutho.gov.vn/cac-cong-cu-chinh-sach-giup-doanh-nghiep-vua-va-nho-ung-pho-voi-dai-dich-covid-19-n7799>. Ngày đăng nhập: Thứ Ba, 12/04/2022.

Sáu là, tập trung khai thác thị trường nội địa tiềm năng với gần 100 triệu dân; đầu tư mua sắm thiết bị, đổi mới công nghệ, kỹ thuật tiên tiến; hiện đại hóa hệ thống quản trị và quy trình hoạt động của doanh nghiệp.

2.2. Về phía cơ quan quản lý nhà nước

Một là, tiếp tục ưu tiên phòng chống và kiểm soát dịch Covid-19 hiệu quả, cùng với việc đẩy nhanh tiến trình tiêm vắc xin để sớm đạt miễn dịch cộng đồng, có lộ trình mở cửa nền kinh tế phù hợp, từ đó, giúp giảm bớt hệ lụy đối với doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Hai là, đẩy nhanh tiến độ triển khai các gói hỗ trợ người dân, doanh nghiệp mà Quốc hội⁴, Chính phủ đã ban hành; thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện các gói hỗ trợ và tiến hành tháo gỡ ngay những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Ba là, triển khai tích cực Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Đẩy mạnh cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19.

⁴ Vương Trần: *Quốc hội thông qua gói hỗ trợ phục hồi KTXH gần 350 nghìn tỉ đồng*, <https://laodong.vn/thoi-su/quoc-hoi-thong-qua-goi-ho-tro-phuc-hoi-ktxh-gan-350-nghin-ti-dong-993811.laod>. Ngày đăng: Thứ ba, 11/01/2022 15:07 (GMT+7).

NHỮNG NỘI DUNG QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP NVV VỪA TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

LS Trần Văn Chương

Trung tâm HTPL và PTNNL

Hiệp hội Doanh nghiệp NVV Việt Nam

Năm 2021 đại dịch COVID-19 bùng phát trở lại của biến chủng Delta nâng cấp, tốc độ lây lan nhanh chóng kéo dài gây nguy hiểm do xâm nhập sâu vào các trung tâm kinh tế, đô thị lớn của Việt Nam làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và mọi mặt đời sống của người dân. Đồng thời dịch bệnh đã khiến các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (NVV) lao đao trong năm 2021. Dưới tác động của dịch bệnh bùng phát lần thứ 4 cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách liên tiếp từ quý III/2021 tại các tỉnh, thành phố, trung tâm kinh tế lớn khiến cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề. Sức chống chịu của các doanh nghiệp NVV (chiếm gần 97% tổng số doanh nghiệp) bị suy giảm, bào mòn, nhiều doanh nghiệp phải rút lui khỏi thị trường. Với quy nhỏ, năng lực tài chính yếu, thiếu khả năng tiếp cận công nghệ do khó khăn về vốn và chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị chưa được chú trọng, qua thời kỳ đại dịch đã bộc lộ rõ những điểm yếu của doanh nghiệp NVV Việt Nam.

Thứ nhất, dịch Covid-19 kéo dài các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về dòng tiền vốn. Khó khăn về tài chính là lớn nhất, hầu hết các doanh nghiệp NVV phải đối mặt về: tiền lương cho người lao động; trả lãi vay ngân hàng; trả tiền thuê đất, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng; đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thanh toán tiền điện, nước, nhiên liệu đầu vào; chi phí xét nghiệm Covid-19 và các khoản chi khác theo yêu cầu chống dịch...

Thứ hai, do thiếu lao động đã tác động trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp, làm chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tập trung ở các ngành: sản xuất da và các sản phẩm liên quan, may mặc, thiết bị điện, điện tử, máy tính, sản phẩm quang học, chế biến gỗ... nhiều doanh nghiệp đang có đơn hàng, nhưng do thiếu lao động, nhất là khu vực phía Nam.

Thứ ba, khả năng tiếp cận công nghệ, chuyển đổi số hạn chế; các doanh nghiệp NVV do nguồn vốn nhỏ, không đủ năng lực tài chính và không

có tài sản thế chấp, trong khi các thiết bị công nghệ, giải pháp chuyển đổi số chuyên nghiệp và hiệu quả có chi phí rất lớn. Bên cạnh đó, việc thiếu nhân lực được đào tạo bài bản, thiếu tư vấn cũng khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn, không có đủ nguồn lực để đầu tư cho chuyển đổi số. Mặt khác, đa số các doanh nghiệp NVV phải tập trung kinh doanh với mục đích tồn tại, họ có rất ít cơ hội, điều kiện để tập trung vào công nghệ chuyển đổi số.

Thứ tư, đại dịch trong năm 2021 đã khiến chuỗi cung ứng hàng hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bị đứt gãy, thị trường suy giảm, thậm chí đóng băng do hệ thống phân phối và bán lẻ ngưng hoạt động. Hệ thống cung ứng vật tư, thiết bị đầu vào cho sản xuất hàng hóa cũng bị tổn hại; vật tư khan hiếm do chuỗi cung ứng nguyên, nhiên, vật liệu từ đầu vào nhập khẩu cho doanh nghiệp bị tắc nghẽn.

Thứ năm, doanh nghiệp gặp rủi ro về thị

**CÁC CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM, GIÃN THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÃ THỰC HIỆN 6 THÁNG
ĐẦU NĂM 2022 LÊN ĐẾN **39,8** NGHÌN TỶ ĐỒNG**



Số tiền gia hạn khoảng
7,4 nghìn tỷ đồng

5,5% số dự kiến gia hạn
(135 nghìn tỷ đồng)



Số tiền miễn, giảm khoảng
32,4 nghìn tỷ đồng

35,8% trên tổng số dự kiến
miễn, giảm (90,5 nghìn tỷ đồng)

Nguồn: Bộ Tài chính. Đồ họa: Thế Dương

trường vì sự thay đổi, hạn chế chi tiêu của khách hàng, do khó khăn chung của kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, cung ứng dịch vụ...

Trước những khó khăn phải đối mặt với thách thức chưa từng có, Nhà nước ta đã có các chính sách kịp thời, linh hoạt để chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế, thích ứng an toàn, linh hoạt và ngăn chặn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Trong bối cảnh khó khăn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và được sự đồng tình, chia sẻ, tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều các lĩnh vực. Có thể nói năm 2021 mặc dù đất nước và nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, song chúng ta đã kiên cường vượt qua, đây chính là cơ sở, nền tảng quan trọng để năm 2022 kinh tế Việt Nam bứt phá, phục hồi phát triển trong 6 tháng đầu năm vừa qua.

Ngay từ những ngày đầu năm 2022, Quốc hội đã có nhiều quyết sách, nghị quyết quan trọng, trong đó Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nhằm tạo động lực và cơ hội cho doanh nghiệp phục hồi, phát triển. Theo đó, tổng quy mô gói hỗ trợ gần 350.000 tỷ đồng (trong đó, hỗ trợ tài khóa khoảng 291.000 tỷ đồng; hỗ trợ tiền tệ khoảng 46.000 tỷ đồng, hỗ trợ qua các quỹ khác gần 10.000 tỷ đồng và một số khoản khác).

Đây là một sự kiện chưa từng có và lớn nhất trong chuỗi các gói hỗ trợ phục hồi và kích thích phát triển kinh tế trong suốt thời gian chống dịch Covid-19 từ trước đến nay, kết quả đã và đang hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, vực dậy và phát triển sản xuất - kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo. Nghị quyết số 43/2022/QH15 (Nghị quyết 43) có những nội dung quan trọng liên quan đến doanh nghiệp NVV về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

1. Giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 08% trong năm 2022

Giảm 02% thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% (còn 08%). Trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đồng thời cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 cho kỳ tính thuế năm 2022.

2. Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước

Về chính sách đầu tư phát triển trong gói tài khóa, Nghị quyết 43 nêu rõ tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) tối đa 176.000 tỷ đồng, tập trung trong năm 2022 và 2023, bao gồm:

(i) Về y tế, bố trí tối đa 14.000 tỷ đồng để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh, sản xuất vaccine trong nước và thuốc điều trị Covid-19...

(ii) Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất (02%/năm) tối đa 40.000 tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân thuê và thuê mua.

(iii) Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng.

(iv) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bổ sung tối đa 113.550 tỷ đồng vốn đầu tư từ NSNN để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai...

3. Hỗ trợ tiền thuê nhà

Nghị quyết 43 quy định về chính sách tài khóa khác trong gói hỗ trợ lần này như hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ. Đối tượng là người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm (khoảng 6.600 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021).

Đồng thời tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 38.400 tỷ đồng để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Các cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội... cũng nằm trong nhóm được vay gói tín dụng này.

4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

Về chính sách tiền tệ, Nghị quyết 43 quy định điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5%-01% trong năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên.

Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng



May gia công hàng quần, áo tại Công ty TNHH may Kydo Việt Nam, KCN Phố nổi A (Hưng Yên). Ảnh minh họa: Phạm Kiên/TTXVN

thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng. Sử dụng tối đa 46.000 tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vaccine, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 trong trường hợp cần thiết. Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động, bảo đảm tính khả thi và tổ chức triển khai nhanh trong thực tế. Cân đối giải pháp về tiền tệ hỗ trợ Chương trình với tổng thể phương án cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

Nghị quyết 43 cho phép áp dụng các chính sách khác để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm sử dụng khoảng 5.000 tỷ đồng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng 1.000 tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện chương trình “Sóng và máy tính cho em”; Giải quyết các vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát

triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; sử dụng 5.000 tỷ đồng để đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ... Nghị quyết 43 có hiệu lực từ ngày 11/01/2022 đến ngày 31/12/2023.

Ngày 28/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Để tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện giảm thuế GTGT xuống 08%, ngày 20/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

Việc ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong lập hóa đơn

đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT xuống 08%. Trong quá trình triển khai Nghị định 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được phản ánh của các Cục Thuế, cộng đồng doanh nghiệp, người dân phản ánh vướng mắc về quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT. Việc quy định phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT mới được áp dụng thuế suất 08%, đã làm tăng chi phí của doanh nghiệp, vì đối với cùng một khách hàng, thay vì lập 01 hóa đơn ghi nhiều thuế suất khác nhau (05%, 08%, 10%) nay doanh nghiệp phải lập 02 hóa đơn: ghi thuế suất 08% và ghi các thuế suất khác.

Nghị định 41/2022/NĐ-CP đã sửa đổi: (i) Trường hợp cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn GTGT ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định. (ii) Trường hợp cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa

đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định.

Nghị định 41/2022/NĐ-CP đã ban hành Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý hóa đơn điện tử đã lập có sai sót theo (Mẫu số 01/TB-HĐSS) thay (Mẫu số 01/TB-SSĐT) Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Nhờ có những quyết sách đúng đắn, kịp thời của Quốc hội và Chính phủ đã tạo tiền đề căn bản để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. GDP Quý I/2022 tăng 5,03% và tiếp tục tăng trưởng khá trong Quý II; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 5 tháng đạt hơn 305 tỷ USD tăng 16,1% và thu NSNN đạt hơn 57% dự toán năm, tăng 18,7% (so với cùng kỳ năm 2021). Kinh tế vĩ mô ổn định; tình hình dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp NVV nói riêng đang từng bước phục hồi và phát triển trên mọi lĩnh vực.

Ngoài sự hỗ trợ từ phía Nhà nước, các biện pháp hỗ trợ thông qua Hiệp hội Doanh nghiệp NVV cũng rất cần thiết và có hiệu quả trong thời gian vừa qua tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thành viên vượt qua khó khăn, thách thức từng bước phát triển ổn định.

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ MIỄN GIẢM VỀ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ GIÚP DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

Nguyễn Thị Thanh Bình

Học viện Hành chính Quốc gia

Đại dịch Covid-19 được coi như một cú sốc phi truyền thống gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe cộng đồng cũng như nền kinh tế toàn cầu. Dưới tác động của đại dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam năm 2021 hứng chịu cú sốc kép từ phía cung do hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ngưng trệ, chuỗi cung ứng gián đoạn và phía cầu do người tiêu dùng cắt giảm mạnh chi tiêu. Để vượt qua những khó khăn của đại dịch Covid-19, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các chính sách hỗ trợ hướng tới việc giảm nhẹ nghĩa vụ tài chính, tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng và đảm bảo khả năng duy trì sản xuất cho doanh nghiệp.

Nghiên cứu này sẽ phân tích các gói hỗ trợ đã được triển khai trong bối cảnh dịch Covid-19, trong đó tập trung cụ thể vào gói hỗ trợ của doanh nghiệp về thuế, phí, lệ phí. Trên cơ sở đó, đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của các cơ chế hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí trong giai đoạn phục hồi kinh tế sắp tới.

1. Các chính sách về thuế, phí khóa hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và khả năng tiếp cận

Để hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, Chính phủ cùng các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều chính sách tài khóa hỗ trợ về thuế, phí cho doanh nghiệp trong 02 năm 2020 và 2021. Các chính sách này được triển khai xoay quanh các cơ chế (i) miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng (GTGT), tiền thuê đất, thuế nhập khẩu hàng hóa, các loại phí, lệ phí, (ii) tăng cường đầu tư công. Các chính sách được ban hành nhằm ứng phó và hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19. (Bảng 1)

Tác động của các chính sách hoãn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp.

Trong giai đoạn đầu của đại dịch Covid-19, Chính phủ triển khai chủ yếu các gói hỗ trợ về thuế. Một số chính sách hỗ trợ thuế cụ thể trong năm 2020 bao gồm: Gia hạn thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và tiền thuê đất cho khoảng 740 nghìn doanh nghiệp còn hoạt động và hầu hết các hộ kinh doanh cá thể ngừng kinh doanh do dịch bệnh với tổng giá trị gói hỗ trợ 180 nghìn tỷ đồng; giảm 15% tiền thuê đất phải nộp năm 2020 cho doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định hoặc hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất, kinh doanh từ 15 ngày trở lên do ảnh hưởng của dịch Covid-19; giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 cho các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng; giảm 50% giá cất cánh, hạ cánh tàu bay và giá dịch vụ điều hành bay đi, đến đối với các chuyến bay nội địa từ tháng 3/2020 đến hết tháng 9/2020; áp dụng mức giá tối thiểu 0 đồng đối với các dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá từ tháng 3/2020 cho đến hết tháng 9/2020. Tổng số tiền thuế và thu ngân sách đã gia hạn, miễn, giảm theo các gói hỗ trợ tài khóa đã ban hành năm 2020 khoảng 129 nghìn tỷ đồng. (Bảng 2)

Năm 2021, Việt Nam bước vào giai đoạn

Bảng 1: Các chính sách thuế, phí hỗ trợ doanh nghiệp đã triển khai trong giai đoạn đại dịch Covid-19.

	Giai đoạn 1: 23/01/2020 - giữa tháng 4/2020	Giai đoạn 2: 25/7/2020 - 01/12/2020	Giai đoạn 3: 28/01/2021 - 25/3/2021	Giai đoạn 4: 27/4/2021 đến nay
Gia hạn đóng thuế GTGT	Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.		Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/04/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.	Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19.
Gia hạn đóng thuế TNDN	- Nghị định số 41/2020/NĐ-CP. - Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.	Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14.	Nghị định số 52/2021/NĐ-CP.	Nghị quyết số 105/NQ-CP.
Gia hạn nộp tiền thuê đất	- Nghị định số 41/2020/NĐ-CP. - Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.	Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.	Nghị định số 52/2021/NĐ-CP.	Nghị quyết số 105/NQ-CP.
Cắt giảm thuế, phí khác	- Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam. - Nghị quyết 84/NQ-CP.	Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung tiểu mục 2 mục 1 biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14.	- Thông tư số 21/2021/TT-BGTVT ngày 26/9/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 21/12/2021. - Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/8/2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5) cho các khách hàng sử dụng điện.	Nghị quyết số 105/NQ-CP
Ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu				Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 11/9/2021 của Chính phủ về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ, phục vụ phòng, chống dịch Covid-19.
Tăng cường đầu tư công	- Nghị quyết số 84/NQ-CP. - Công văn số 622/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020. - Công văn số 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020.	- Kết luận số 242/TB-VPCP ngày 18/7/2020 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị giao ban trực tuyến đôn đốc triển khai công tác đầu tư công năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. - Các chỉ thị và kế hoạch hành động, chương trình, của các địa phương.	Các chỉ thị và kế hoạch hành động, chương trình của các địa phương.	- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022. - Các chỉ thị và kế hoạch hành động, chương trình của các địa phương.

Bảng 2: Quy mô các gói hỗ trợ tài khóa cho doanh nghiệp năm 2020

Biện pháp		Số lượng	Chính sách	Quy mô hỗ trợ (nghìn tỷ đồng)
1	Gia hạn tiền thuế và tiền thuê đất	185,6 nghìn đối tượng	Gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và tiền thuê đất	78,2
2	Giảm thuế TNDN		Giảm 30% thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng	5,5
3	Giảm thuế TNCN	6 triệu người	Tăng mức giảm trừ gia cảnh để giảm nghĩa vụ thuế cho cá nhân	10,8
4	Giảm thuế bảo vệ môi trường	21 doanh nghiệp	Giảm 30% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay	0,384
5	Giảm thuế nhập khẩu		Giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số nhóm mặt hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, cơ khí, hỗ trợ ô tô.	6,2
6	Gia hạn thuế tiêu thụ đặc biệt	13 doanh nghiệp	Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước	19,3
7	Giảm tiền thuê đất	4.138 hồ sơ	Giảm 15% tiền thuê đất đối với các đối tượng trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh 15 ngày trở lên do dịch Covid-19	0,354
8	Miễn thuế nhập khẩu		Đối với các mặt hàng phục vụ phòng chống dịch như khẩu trang y tế, nước rửa tay sát khuẩn, nguyên liệu sản xuất khẩu trang...	0,033
9	Miễn, giảm các khoản phí, lệ phí	209,6 nghìn lượt hồ sơ	Giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước; giảm 70% mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp; giảm 67% mức phí công bố thông tin doanh nghiệp...	8,3
Tổng hỗ trợ năm 2020				129

3 và 4 của đại dịch Covid-19 với nhiều diễn biến phức tạp, khó khăn hơn, Chính phủ tiếp tục ban hành thêm chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN ưu đãi thuế với hàng hóa nhập khẩu, cắt giảm các loại phí, lệ phí và trợ giá các doanh nghiệp. Một số chính sách hỗ trợ thuế cụ thể trong năm 2021 bao gồm: Tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021; giảm 30% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 để hỗ trợ ngành hàng không; cắt

giảm trên 29 nhóm phí, lệ phí theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14; chính sách hỗ trợ toàn diện hơn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 105/NQ-CP; chính sách ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 106/NQ/CP. Quy mô gói hỗ trợ tài khóa dành cho doanh nghiệp đã ban hành năm 2021 là khoảng 138 nghìn tỷ đồng.

Bảng 3: Quy mô các gói hỗ trợ tài khóa cho doanh nghiệp năm 2021

Biện pháp		Chính sách	Quy mô hỗ trợ (nghìn tỷ đồng)
1	Gia hạn tiền thuế và tiền thuê đất	Gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất	115
2	Giảm thuế bảo vệ môi trường	Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay	0,9
3	Giảm các khoản phí, lệ phí	Giảm mức thu 30 loại phí, lệ phí	2
4	Giảm thuế TNDN	Giảm 30% thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng	6,17
5	Giảm thuế khác đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Giảm 50% số thuế các loại phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,4
6	Giảm thuế GTGT	- Doanh nghiệp, tổ chức nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được giảm 30% mức thuế suất thuế GTGT; - Doanh nghiệp, tổ chức nộp thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 30% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT.	6,9
7	Miễn tiền chậm nộp	Theo số liệu của Bộ Tài chính	2,7
Tổng hỗ trợ năm 2021			138

Nguồn: Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện các giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động từ dịch Covid-19 của Chính phủ

2. Đánh giá mức độ thuận lợi trong tiếp cận các chính sách hỗ trợ thuế, phí, lệ phí

Để đánh giá khả năng tiếp cận các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và cơ chế hỗ trợ thuế, phí nói riêng. Một báo cáo đánh giá, khảo sát của VINSME khi khảo sát gần 500 DN thuộc khắp các vùng miền đã cho thấy, trong các chính sách hỗ trợ, chính sách được các doanh nghiệp tiếp cận nhiều nhất là (i) Giảm và hoãn thuế thu nhập doanh nghiệp (35,8%); (ii) Giảm và hoãn tiền thuê đất (24,6%); (iii) Giảm và hoãn các loại thuế phí khác (22,77%); (iv) Giảm và hoãn như thuế GTGT (18,4%), ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là chính sách hỗ trợ được tiếp cận ít nhất (12,21%).

Khả năng tiếp cận các gói hỗ trợ các doanh nghiệp cũng phản ánh về việc gặp một số khó khăn như: Các thủ tục phức tạp, yêu cầu chặt chẽ về đối tượng áp dụng, hạn chế trong tiếp cận thông tin, các giải pháp hỗ trợ không phù hợp hoặc không đủ lớn. Trong đó, khó khăn được nhiều doanh nghiệp, hộ sản xuất đề cập đến nhất đó là khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính. Bên cạnh nguyên nhân do sự phức tạp về thủ tục, quy trình có thể thấy còn điểm bất hợp lý trong các chính sách khiến các doanh nghiệp không được hưởng hỗ trợ còn nhiều. Đó là đối tượng thụ hưởng chính sách tài khóa hỗ trợ chưa tập trung vào đúng đối tượng cần hỗ trợ. Ví dụ như theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 và quy định chi tiết thi hành theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP, chính sách giảm 30% thuế TNDN tập trung vào các đơn vị có doanh thu dưới 200 tỷ đồng. Mặc dù về mặt lý thuyết, chính sách áp dụng chung đối với các doanh nghiệp, nhưng đối tượng hưởng lợi lại chủ yếu là các doanh nghiệp có lợi nhuận. Trong khi đối tượng chịu thiệt hại chính từ đại dịch Covid-19, bao gồm các doanh nghiệp có lãi ít hoặc bị lỗ thì lại không được hỗ trợ từ ưu đãi thuế này. Điều này, cho thấy doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn đánh giá mức độ hữu ích của các chính sách hỗ trợ cao hơn các nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Tiếp đến là những khó khăn về biện pháp hỗ trợ cụ thể và quy mô của các hỗ trợ. Ví dụ như

thời gian giãn, hoãn thuế, phí, tiền thuê đất cho doanh nghiệp rất ngắn nên phần doanh nghiệp được hỗ trợ rất nhỏ, nhiều doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đã hoàn thành việc nộp thuế cho năm 2019 trong quý I/2020, hoặc đã đóng tiền thuê đất. Theo đó, các doanh nghiệp này không xin gia hạn nữa. Một số khác bị ngừng trệ hoạt động kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên thậm chí không phát sinh thuế.

Nhìn chung, các doanh nghiệp đều đánh giá chính sách hỗ trợ tài khóa, trong đó tập trung vào thuế, phí và lệ phí đã thể hiện rõ quan điểm và mục tiêu hỗ trợ của Chính phủ đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19. Từ góc độ của mình, các doanh nghiệp cũng ghi nhận những nỗ lực của Chính phủ trong các chính sách hỗ trợ đã ban hành. Trong các nhóm chính sách hỗ trợ, các doanh nghiệp đánh giá các gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí có tác động mạnh nhất so với các gói hỗ trợ khác. Có 42,8% doanh nghiệp được khảo sát bởi tác giả cho biết, các hỗ trợ thuế, phí, lệ phí có mức độ tác động cao tới hoạt động doanh nghiệp. Do có gói hỗ trợ này, nhiều DN đã không lâm vào tình cảnh phải đóng mã số thuế, từ đó DN có cơ hội để tìm kiếm các giải pháp phục hồi sản xuất kinh doanh. Trong số đó, các DN đánh giá cao nhất về mức độ hữu ích bởi phần lớn các doanh nghiệp là các chính sách về giảm hoãn thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm và hoãn thuế GTGT, giảm thuế VAT về 8% đối với một số danh mục mặt hàng và hoãn tiền thuê đất và các loại thuế phí khác. Các chính sách ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được đánh giá hữu ích thấp nhất do ít đối tượng doanh nghiệp đã tiếp cận được các biện pháp hỗ trợ này.

Kết luận, tác dụng của các chính sách này đã kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, giúp Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2020 và 2021, duy trì triển vọng kinh tế tích cực của đất nước và tạo dựng được nguồn lực chống dịch trong trung và dài hạn. Khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, bối cảnh chính sách tài khóa về cơ bản sẽ thay đổi, chuyển dần từ mục tiêu ngắn hạn là kiềm chế đại

dịch và hỗ trợ doanh nghiệp sang mục tiêu dài hạn là phục hồi nền kinh tế. Vì vậy, các cơ chế hỗ trợ thông qua công cụ tài khóa hiện nay xuất hiện những vấn đề cần củng cố, bổ sung nhằm nâng cao khả năng tiếp cận cũng như hiệu quả hỗ trợ cho hệ thống doanh nghiệp.

3. Khuyến nghị đối với chính sách tài khóa hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi phát triển sau đại dịch

Dư địa chính sách tài khóa hiện tại của Việt Nam còn lớn thể hiện ở thu ngân sách năm 2021 vượt dự toán. Cả năm 2021, thu ngân sách nhà nước (NSNN) là 1.545.060 tỷ đồng, đạt 115,03%; thuế, phí vượt năm 2020 khoảng 7%. Bước sang năm 2022, khi dịch bệnh đã được kiểm soát, kinh tế đã có bước phát triển vượt bậc, Việt Nam là một trong những nhóm nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất khu vực Châu Á, Thái Bình Dương. Tại họp cuộc họp báo thường kỳ của Bộ Tài chính, tổ chức ngày 29/9/2022, lãnh đạo Bộ Tài chính cho biết, tổng thu NSNN 9 tháng năm 2022 ước đạt 1.327,3 nghìn tỷ đồng, bằng 94% dự toán, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2021. Bộ Tài chính nhận định, nguyên nhân của số thu tăng là do các Bộ ngành, địa phương đã bám sát chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã chủ động nắm bắt tình hình, ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành kịp thời, đồng bộ các giải pháp chính sách tài khóa (miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí,...) hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, kiểm soát lạm phát.

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đã đạt được qua các con số khảo sát, do các Bộ ngành, tổ chức đại diện doanh nghiệp cung cấp trên phương tiện thông tin đại chúng, qua phản ánh của doanh nghiệp, cũng như những nhận định cá nhân, tác giả xin mạnh dạn kiến nghị như sau.

Chính phủ cần xác định các mục tiêu phù hợp với từng thời kỳ ngắn hạn và dài hạn để xây dựng gói hỗ trợ tài khóa trong đó có thuế, phí và lệ phí với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng các tiêu chí kịp thời, đúng đối tượng, đủ dài, đủ bao trùm để mang lại hiệu quả như mong đợi.

Trong ngắn hạn, mục tiêu của gói hỗ trợ tài khóa là tiếp tục kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân và người lao động, hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa vào các ngành có sức lan tỏa có khả năng phục hồi nhanh sau đại dịch;

Về dài hạn với mục tiêu hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, các biện pháp tài khóa trong giai đoạn này cần chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, từ hỗ trợ về tài chính sang hỗ trợ về cơ chế, từ hỗ trợ số nhiều sang những ngành, những lĩnh vực thuộc lợi thế cạnh tranh của VN, hướng tới thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh, bền vững. Đồng thời các đơn vị triển khai hỗ trợ cần tập trung cải thiện hiệu quả của công tác tuyên truyền và thực thi đối với các gói chính sách hỗ trợ đã ban hành. Các quy trình, giai đoạn thẩm định cần được đơn giản hóa hết mức, tập trung vào giai đoạn hậu kiểm và các chế tài xử phạt đối với các hành vi trục lợi chính sách.

THỰC TIỄN THI HÀNH CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ LAO ĐỘNG, AN SINH XÃ HỘI GIÚP DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH, NHỮNG VƯỚNG MẮC CẦN THẢO GIÕ

Đặng Hoàng Hà

Công ty Cổ phần truyền thông Sóng Bạc

Kể từ ca nhiễm Covid-19 đầu tiên vào ngày 23/1/2020, Việt Nam đã trải qua liên tiếp các đợt dịch với hàng triệu người mắc và hàng nghìn người tử vong. Đến thời điểm hiện tại, đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục diễn biến rất phức tạp, lan rộng tại nhiều tỉnh, thành phố lớn, tập trung đông dân và có những cơ sở sản xuất quan trọng của cả nước, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và cuộc sống của người dân. Ngay từ khi dịch bắt đầu bùng phát, hàng loạt các biện pháp “chưa từng có” đã được Chính phủ ban hành nhằm hạn chế tối đa sự lây nhiễm của dịch bệnh bao gồm ban hành các văn bản, chỉ thị mới; thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; đưa bệnh nhân nhiễm bệnh, nghi ngờ hoặc có khả năng nhiễm bệnh vào diện cách ly; và tối đa hóa các nguồn lực để điều trị cho bệnh nhân nhiễm COVID-19...

Nhờ đó nước ta đã đạt những thành tích rất khả quan trong kiểm soát dịch bệnh, hạn chế được những ảnh hưởng nghiêm trọng lên sức khỏe người dân. Tuy nhiên, việc “giãn cách xã hội” trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đáng kể lên nền kinh tế, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải. Chuỗi lưu thông hàng hóa, cung ứng sản xuất, tiêu dùng bị gián đoạn; nhập siêu

gia tăng; giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chưa đạt yêu cầu; thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục suy giảm; tình hình doanh nghiệp nhiều khó khăn. Lao động, việc làm và đời sống người dân, nhất là tại các khu vực bị cách ly, phong tỏa, giãn cách xã hội chịu ảnh hưởng ngày càng nặng nề bởi dịch bệnh. Đây là một thách thức thực sự cho hệ thống an sinh xã hội quốc gia.



Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất

Nhận thấy vấn đề đó, Chính phủ đã ban hành liên tiếp các chính sách về lao động và an sinh xã hội để đảm bảo “không ai bị bỏ lại phía sau”. Điều này thể hiện qua những kết quả cụ thể triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP, Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Nghị quyết số 116/NQ-CP về chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động,...

Có thể kể đến những giải pháp chủ yếu như: Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để giảm tối đa các chi phí đóng góp của doanh nghiệp trong năm 2022-2023 về BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chi phí công đoàn; quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi phù hợp với trạng thái “bình thường mới”; hình thành hệ thống thu thập, chia sẻ thông tin về việc làm trống, người tìm việc để phục vụ kết nối, tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm; tổ chức thực hiện các gói hỗ trợ kết nối việc; hiện đại hóa hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số của hoạt động kết nối cung - cầu lao động... Cụ thể:

Năm 2020, ngay từ khi đại dịch Covid-19 xuất hiện ở nước ta, ngày 09/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Kết quả đã thực hiện được hơn 33 nghìn tỷ đồng cho gần 14,5 triệu đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, trong đó Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã tiếp nhận hồ sơ và giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với 1.846 đơn vị/doanh nghiệp cho trên 192 nghìn lao động, với tổng số tiền tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trên 786 tỷ đồng.

Năm 2021, trước những tác động nặng nề của đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 (kể

từ 27/4/2021), Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, gồm 12 chính sách hỗ trợ, trong đó nguồn từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp và quỹ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp.

Theo thống kê của Bộ LĐTBXH, hết năm 2021, theo báo cáo của Sở LĐTBXH của 63 tỉnh, thành phố, tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết 68, Quyết định 23 toàn quốc là 35.987 tỷ đồng, hỗ trợ trên 31,28 triệu lượt đối tượng (gồm 378.330 lượt đơn vị sử dụng lao động, trên 30,9 triệu lượt người lao động và các đối tượng khác). Trong tổng kinh phí hỗ trợ, có 15,1% từ các chính sách bảo hiểm; 78,5% từ các chính sách bằng tiền và 6,4% từ các chính sách cho vay. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ 8,95 triệu lượt đối tượng với số tiền 12.523 tỷ đồng. Một số địa phương có tổng kinh phí hỗ trợ cao là Bình Dương (4.413 tỷ đồng), Đồng Nai (3.084 tỷ đồng), Hà Nội (2.276 tỷ đồng), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.842 tỷ đồng), Cần Thơ (998 tỷ đồng), Long An (863 tỷ đồng), Bắc Giang (858 tỷ đồng), Tây Ninh (534 tỷ đồng), Khánh Hòa (507 tỷ đồng).

Nghị quyết số 68/NQ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP) đã đưa ra chính sách cứu trợ đối với nhiều đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 thông qua hình thức phát tiền trực tiếp cho người dân. So với gói hỗ trợ đợt 1 năm 2020 (theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ), các chính sách của Nghị quyết số 68/NQ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP) đã bao phủ được phạm vi người thụ hưởng chính sách rộng hơn, hưởng đến những người lao động bị ngừng việc, mất việc, giảm việc làm; những người phải điều trị nhiễm COVID-19 và bị cách ly y tế; trẻ em và người lao động nữ mang thai; người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật. Tuy nhiên, song song với thành quả đạt được, việc triển khai các chính sách vẫn gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính tại các địa bàn phức tạp, các tỉnh giáp biên giới có nhiều người lao động nhập cư.



Người dân làm thủ tục nhận hỗ trợ

Về thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP và Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, có 346.664 lượt người sử dụng lao động và gần 12,98 triệu lượt người lao động được hỗ trợ với tổng kinh phí trên 38.430 tỷ đồng từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Nghị quyết số 116/ NQ-CP đã thể hiện sự quan tâm, chia sẻ của Đảng, Nhà nước đối với người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, góp phần hỗ trợ người lao động khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, chống đứt gãy chuỗi cung ứng lao động và thiếu hụt lao động; hỗ trợ người sử dụng lao động giảm chi phí, nỗ lực thích ứng với trạng thái bình thường mới, duy trì sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Theo thống kê của BHXH Việt Nam, tính đến hết ngày 21/12/2021, BHXH các địa phương đã giải quyết hưởng hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho 12,79 triệu lao động (trong đó: đang tham gia BHTN là 11,7 triệu lao động; đã dừng tham gia BHTN 1,09 triệu lao động) với tổng số tiền hỗ trợ là 30,31 nghìn tỷ đồng.

Ngày 30/1/2022, Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển thị trường lao động. Nhiều giải pháp cụ thể đã được triển khai để phát triển thị trường lao động đồng bộ, linh hoạt, hội nhập, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển nguồn nhân lực, ngăn ngừa những tác động tiêu cực do đại dịch COVID-19 đến thị trường lao động. Trong đó vấn đề nhà ở của người lao động được xác định là “sàn an sinh tối thiểu của người lao động”.

Có thể thấy rằng, nhà ở cho người lao động là vấn đề “nóng”, người lao động làm ở các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm phần lớn là lao động nhập cư từ nơi khác đến. Vì vậy, nhu cầu về nhà ở rất lớn và tiền thuê nhà chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng thu nhập của người lao động.

Ví dụ: theo báo cáo tại TP.HCM: lương bình quân tại khu vực dệt may khoảng 6,8 triệu đồng/tháng, trong khi đó chi phí trả tiền thuê nhà của người lao động tại khu vực công nghiệp, đô thị khoảng 1 triệu đồng (tương đương 20% thu nhập). Như vậy người lao động gặp khó khăn chồng chất khó khăn, ngoài tiền thuê nhà thì họ phải chi tiền chăm sóc con cái, điện nước, sinh hoạt phí... Để “kéo” người lao động quay trở lại thị trường, hỗ trợ về nhà ở là vấn đề cần ưu tiên.

Nhận thấy vấn đề đó, ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Tuy nhiên, theo thông tin từ Bộ LĐTBXH, tiến độ giải ngân gói 6.600 tỉ đồng rất chậm. Việc này ảnh hưởng tới sự phục hồi kinh tế - xã hội, ổn định thị trường lao động.

Cũng theo thông tin từ BLĐTBXH, Theo báo cáo của Cục Việc làm, tính tới ngày 11-8, có 60/63 tỉnh có doanh nghiệp, người lao động nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà; riêng 2 tỉnh Lai Châu, Điện Biên không có đối tượng thụ hưởng, Cao Bằng chưa có hồ sơ đề nghị. 2.844.944 lao động tại 56.351 doanh nghiệp được đề nghị hỗ trợ, tổng kinh phí trên 1.883 tỉ đồng. Tuy nhiên mới có trên 1 triệu lao động đã nhận 728 tỉ đồng tiền hỗ trợ (đạt 11,23% so với dự kiến).

Các “điểm sáng” là TP.HCM giải ngân trên 126 tỉ đồng, Bắc Giang giải ngân 54,4 tỉ đồng, Hà Nội giải ngân 47,5 tỉ đồng... Tuy vậy, có 4 địa phương đã có đối tượng đề nghị và quyết định phê duyệt nhưng chưa thực hiện giải ngân là Hà Giang, Bắc Kạn, Sơn La, Phú Yên. Một số địa phương có số lượng dự kiến đối tượng rất lớn nhưng việc giải ngân vẫn rất thấp như Kiên Giang (0,23%), Hải Phòng (0,2%). Cùng với đó,

nhiều tỉnh giải ngân trên dưới 1% như Quảng Ngãi, Nghệ An, Vĩnh Long, Thanh Hóa...

Nhận xét chung, các chính sách ASXH đã được thực hiện linh hoạt, có tính bao phủ, kịp thời hỗ trợ người lao động gặp khó khăn. Góp phần lớn vào ổn định đời sống người lao động, giảm tải gánh nặng của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trở lại sản xuất kinh doanh.

Các chính sách và hoạt động an sinh xã hội của Chính phủ Việt Nam đã được Cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Cuộc khảo sát do Dalia Research (Đức) công bố ngày 30/3/2020 cho thấy 62% người Việt Nam cho rằng Chính phủ đã áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh COVID-19 phù hợp, không quá mạnh tay hay lỏng lẻo. Cũng theo cơ sở này, Việt Nam là quốc gia có mức độ hài lòng cao nhất trên thế giới về phản ứng của Chính phủ đối với căn bệnh này. Bà Mitchell Wolfe, Trưởng phòng Y tế, Văn phòng Trung tâm Phòng chống Dịch bệnh Hoa Kỳ cho biết “Lãnh đạo Chính phủ Việt Nam, từ Trung ương đến địa phương đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời, thực hiện các biện pháp toàn diện, quyết liệt và triệt để để đối phó với COVID-19, Huân năm 2020). Giáo sư Carl Thayer, giáo sư danh dự tại Đại học New South Wales Canberra, trên Asia Times cho rằng “Việt Nam là một xã hội thống nhất” (Hoàng 2020). Bên cạnh đó, các tờ báo như Financial Times, The Diplomat, US News & World Report, Daily Mail, Express.co.uk hay các hãng thông tấn quốc tế lớn như Reuter, AFP đều đánh giá cao việc Chính phủ Việt Nam đã “làm hết sức mình”. hàng loạt các biện pháp phòng chống dịch bệnh kịp thời, trong đó có các chính sách an sinh xã hội đúng đắn, kịp thời.

Tuy vậy, việc thực hiện các chính sách rõ ràng còn nhiều hạn chế, để nâng cao hiệu quả bảo đảm ASXH, hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường, khôi phục sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống chính sách về lao động và ASXH còn cần cải thiện một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm. Thực tế, một trong những

rào cản lớn nhất khiến người lao động và doanh nghiệp khó tiếp cận với các chính sách chính là thủ tục hành chính quá rườm rà, mất thời gian. Việc đơn giản hóa cá thủ tục và nâng cao hiệu quả của các dịch vụ công trực tuyến là chìa khóa để nâng cao hiệu quả chính sách.

Tiếp theo, Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tuyên truyền về chính sách qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số. Câu chuyện “muôn thuở” nhưng chưa bao giờ cũ. Theo khảo sát sơ bộ, rất nhiều doanh nghiệp nhỏ và người lao động ở các vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển, khu vực cần nhất sự hỗ trợ của nhà nước, lại không biết hoặc biết không đầy đủ, hiểu không đúng về các chương trình hỗ trợ của Nhà nước nên không chủ động đăng ký nhận hỗ trợ.

Cuối cùng, khi xây dựng chính sách, cần quy định rõ ràng, linh hoạt hơn phù hợp với các địa bàn và nhóm đối tượng khác nhau.

Ví dụ: Theo BHXH Việt Nam, có trên 261.000 lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ, nhưng chưa được giải quyết với số tiền dự kiến trên 745 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong quá trình thực hiện, phát sinh khó khăn trong việc xác định rõ đối tượng hỗ trợ, cơ sở để xác định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các đơn vị do ủy ban nhân dân các cấp thành lập được giao tự chủ về tài chính làm cơ sở thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP. Do vậy, việc thực hiện các thủ tục nhận hỗ trợ của một số đơn vị đặc thù còn chậm so với tiến độ đặt ra (đơn vị sử dụng lao động gửi danh sách đề nghị hưởng mà chưa kịp rà soát, kiểm tra, hoàn thiện thông tin đề nghị hưởng của người lao động).

Việc hỗ trợ không hoàn toàn hoặc không kịp thời sẽ làm mất đi tính cấp thiết, ý nghĩa của chính sách hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp ở thời điểm họ khó khăn.

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIẾP CẬN NGUỒN VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

ThS. Vũ Hải Việt

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp

1. Dẫn nhập

Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 12/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV là nền tảng pháp lý quan trọng để thực hiện các biện pháp hỗ trợ tiếp cận vốn cho DNNVV trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19 để tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thích ứng với tình hình mới, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nhanh chóng phục hồi, tạo tiền đề để bứt phá và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phối hợp chính quyền các địa phương, các tổ chức tín dụng (TCTD), Hiệp Hội doanh nghiệp tổ chức các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo diễn đàn trao đổi, chia sẻ

lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp, qua đó, ngân hàng nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và giải quyết kịp thời những nhu cầu cấp thiết của các doanh nghiệp, đặc biệt là vốn tín dụng. Đồng thời, doanh nghiệp cũng nắm được những chính sách, giải pháp mà Ngành Ngân hàng đang triển khai, từ đó, tăng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng cho doanh nghiệp.

2. Thực tiễn ban hành một số chính sách chủ yếu hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19

Thứ nhất, tập trung quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; tăng cường thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa các địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp từng bước tham gia vào chuỗi giá trị. Tăng cường hơn nữa công tác tư vấn, hỗ trợ hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, hướng dẫn các thủ tục hành chính thuế, kế toán và bảo hiểm xã hội cho các doanh nghiệp mới thành lập.



(Ảnh minh họa. Nguyễn Linh/TTXVN)

Bên cạnh đó, NHNN chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại (NHTM) trên địa bàn đẩy mạnh Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường; tổ chức giám sát các NHTM trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của NHNN Việt Nam; quyết liệt trong công tác triển khai các gói hỗ trợ tín dụng, thực hiện áp dụng chế độ lãi suất ưu đãi cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định; tập trung ưu tiên vốn tín dụng cho nông nghiệp nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục vay vốn trong hỗ trợ doanh nghiệp, minh bạch trong thông tin tiếp cận tín dụng cho mọi đối tượng.

Thứ hai, hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động cho vay của TCTD theo hướng tăng cường thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm của TCTD trong việc cho vay đối với doanh nghiệp, người dân theo quy định của Luật Các TCTD; ban hành Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các TCTD trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018. Về chính sách tín dụng đối với DNNVV, theo chủ trương của Chính phủ, tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhu cầu vay vốn ngắn hạn bằng VND của DNNVV được TCTD xem xét, quyết định cho vay với lãi suất không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ. Tiếp đó, ngày 18/11/2019, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 2416/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Hiện nay, trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với DNNVV đã giảm xuống còn 4,5%/năm.

Thực hiện quy định của Chính phủ tại các Nghị định số 38/2018/NĐ-CP, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, NHNN đã và tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan để hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, trong đó có các chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn cho DNNVV thông qua các loại hình Quỹ như Quỹ phát triển DNNVV, Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Hằng năm, NHNN phối hợp chính quyền các địa phương, các TCTD, Hiệp hội Doanh nghiệp tổ chức các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo diễn đàn trao đổi, chia sẻ lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp, qua đó ngân hàng nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và giải quyết kịp thời những nhu cầu cấp thiết của các doanh nghiệp, đặc biệt là vốn tín dụng. Đồng thời, doanh nghiệp cũng nắm được những chính sách, giải pháp mà ngành Ngân hàng đang triển khai, từ đó, tăng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng cho doanh nghiệp.

Thứ ba, để phù hợp hơn với tình hình thực tế, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, giảm áp lực trích lập của các ngân hàng thương mại (NHTM), từ đó, NHTM có điều kiện đồng hành cùng doanh nghiệp khắc phục các khó khăn do tác động của dịch Covid-19. Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi Thông tư số 01/2020/TT-NHNN. Theo đó, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN đã mở rộng đối tượng và thời gian cơ cấu lại nợ: (i) Điều chỉnh đối tượng cơ cấu lại nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính (thay vì ngày 10/6/2020); (ii) Điều chỉnh thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi thêm 06 tháng đến ngày 30/6/2022 (thay vì ngày 31/12/2021), quy định này căn cứ theo kế hoạch tiêm chủng (khi Việt Nam phấn đấu đạt miễn dịch cộng đồng trong quý I/2022); (iii) Mở rộng đối tượng khách hàng bị ảnh hưởng khả năng trả nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn



Hội thảo khoa học: “Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh bình thường mới” đã diễn ra tại trường ĐH Thủ Dầu Một (Nguồn: ĐH Thủ Dầu Một)

từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 7/9/2021; (iv) Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 30/6/2022 (thay vì ngày 31/12/2021).

Thứ tư, ban hành nhiều quy định đột phá mở rộng thời hạn miễn, giảm lãi, phí:

(i) Giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 (thay vì ngày 10/6/2020), mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc điều chỉnh việc miễn, phát sinh trước ngày lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022 (thay vì ngày 31/12/2021);

(ii) Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022 (thay vì ngày 31/12/2021). Như vậy, tương tự như việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ; thời hạn miễn, giảm lãi, phí cũng được điều chỉnh các mốc thời gian với lý do tương ứng.

Thứ năm, tiếp tục chỉ đạo các TCTD chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ và đồng hành cùng với doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

Nhờ đó, với tác động có độ trễ của 03 đợt giảm mạnh các mức lãi suất trong năm 2020 kết hợp với việc giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong năm 2021, đồng thời, điều hành đồng bộ các giải pháp chính sách tiền tệ khác đã góp phần tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất thị trường. Kết quả, mặt bằng lãi suất cho vay giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và tiếp tục giảm 0,82%/năm trong năm 2021, hiện ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Đến nay, mặt bằng lãi suất vay giảm khoảng 1,66%/năm so với trước dịch. Về phía các TCTD, thực hiện chỉ đạo của NHNN về việc tập trung vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các TCTD chủ động tiếp cận đối tượng khách hàng là nhóm DNNVV, đưa ra nhiều chương trình, sản phẩm ưu tiên, hỗ trợ cho các khách hàng DNNVV với mức lãi suất thấp.

3. Kết quả thực hiện một số chính sách chủ yếu hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19

Thứ nhất, các NHTM đã hoàn thành đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất và đang tích cực triển

khai gói hỗ trợ này. Tín dụng đạt trên 11,4 triệu tỷ đồng. Kết quả, đến ngày 30/6/2022, tín dụng toàn nền kinh tế đạt trên 11,4 triệu tỷ đồng, tăng 9,35% (cùng kỳ năm 2021 tăng 6,47%). Huy động vốn đạt trên 11,8 triệu tỷ đồng, tăng 4,51% so với cuối năm 2021 (cùng kỳ năm 2021 tăng 4,09%). Cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát. Các tổ chức tín dụng đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ lũy kế 709.038 tỷ đồng, tổng số tiền lãi miễn, giảm, hạ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đến nay đạt trên 50.000 tỷ đồng.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến nay, Chính phủ đã đưa ra một số giải pháp kịp thời nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, như: Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các doanh nghiệp và hộ kinh doanh; Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 sửa đổi Nghị định số 125/2017/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, trong đó đã giảm thuế 24 nhóm mặt hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ô tô; Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng. Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, cần có chính sách hỗ trợ của Nhà nước để giúp doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn, Bộ Tài chính đã ban hành một số chính sách điều chỉnh giảm mức thu phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Gần nhất, ngày 24/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 47/2021/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021, trong đó có nhiều mức giảm cao, như: giảm 70% lệ phí đăng ký doanh nghiệp; giảm 67% phí công bố thông tin doanh nghiệp; giảm 50% mức thu phí

cấp giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng (TCTD);... Hiện nay, các DNNVV Việt Nam tiếp cận vốn tín dụng chủ yếu thông qua 3 nguồn chính, đó là: (i) Quỹ Bảo lãnh tín dụng (BLTD) cho DNNVV; (ii) Quỹ Phát triển DNNVV; (iii) Tín dụng ngân hàng.

Thứ hai, nhằm hỗ trợ khách hàng phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh, Ngân hàng TMCP đã công bố đối tượng được thụ hưởng gồm một trong các trường hợp sau: Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh, bao gồm hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xuất bản phần mềm, lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan, hoạt động dịch vụ thông tin; trong đó có hoạt động xây dựng phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế nói trên nhưng không bao gồm hoạt động xây dựng cho mục đích kinh doanh bất động sản quy định tại mã ngành kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Cùng với quy định cụ thể đối tượng, các NHTM nêu rõ các nội dung liên quan, gồm: Mức hỗ trợ lãi suất là 2%/năm; đồng tiền cho vay là đồng Việt Nam; khoản vay được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2023 hoặc khi đến hết hạn mức hỗ trợ lãi suất.

Thứ ba, thành công trong việc tháo gỡ các khó khăn trong quá trình thực hiện. Nhiều NHTM là một trong những ngân hàng đăng ký tham gia gói hỗ trợ lãi suất 2%/năm theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhiều nhất bởi do tính đặc thù của ngân hàng này chủ yếu phục vụ nhóm đối tượng là các cá nhân, hộ gia đình, DNNVV, một vấn đề mà các ngân hàng e ngại khi thực hiện cho vay theo gói hỗ trợ lãi suất 2%/năm đó chính là khâu kiểm toán và quyết toán. Bởi khi thực hiện, cơ quan Kiểm toán Nhà nước sẽ

vào các NHTM để kiểm toán con số chính thức. Quá trình kiểm toán yêu cầu rất nhiều nội dung, trong đó có những nội dung mà các ngân hàng không thể làm được.

Bên cạnh đó, hình thành các loại quỹ: (I) Về Quỹ bảo lãnh tính dụng cho DNNVV: Tính đến ngày 31/12/2019, cả nước đã có 28 tỉnh, thành phố thành lập Quỹ bảo lãnh tính dụng cho DNNVV theo mô hình hoạt động độc lập, hoặc ủy thác cho Quỹ Tài chính nhà nước tại địa phương, với tổng nguồn vốn là 1.450,6 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, các Quỹ Bảo lãnh tính dụng chưa thực sự phát huy được vai trò cầu nối do những khó khăn, vướng mắc sau, như: (i) Quy mô của Quỹ còn nhỏ do nhiều địa phương chưa cân đối được ngân sách, khó khăn lớn nhất là huy động nguồn vốn bổ sung để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng theo quy định (quy định trước đây là 30 tỷ đồng); (ii) Nguồn vốn dự phòng được cấp giảm đi nhanh chóng do các quy định thiếu chi tiết, chưa điều chỉnh đầy đủ các trường hợp nảy sinh trong thực tế; (iii) Tổ chức bộ máy và năng lực điều hành của Quỹ còn hạn chế; (iv) Quy trình thẩm định hồ sơ, giám sát, thu hồi các khoản nhận nợ bắt buộc chưa hoàn thiện; (v) Một số DNNVV chưa đủ điều kiện để được cấp bảo lãnh, hạn chế về tài chính, kế toán, quản trị rủi ro,...; (vi) Sự phối hợp giữa Quỹ và NHTM chưa chặt chẽ; (vii) Bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng là bảo lãnh có điều kiện, Quỹ được quyền từ chối nghĩa vụ bảo lãnh, nên có nhiều trường hợp Quỹ từ chối thực hiện nghĩa vụ và xảy ra tranh chấp với TCTD cho vay.

(II) Về Quỹ phát triển DNNVV: Ngày 10/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV thay thế cho Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 về thành lập Quỹ này. Nghị định được đánh giá tăng cơ hội tiếp cận vốn cho doanh nghiệp so với Quyết định số 601/QĐ-TTg; bởi đây là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; lãi suất cho vay trực tiếp bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại - đây là mức lãi suất ưu đãi hơn so với Quyết định

số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hơn thế, mức cho vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất - kinh doanh tối đa không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án. Tổng mức cho vay của quỹ đối với một doanh nghiệp không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của quỹ. Những điều kiện cởi mở này tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận với quỹ được tốt hơn. Tuy nhiên, Quỹ Phát triển DNNVV chưa thể hiện được vai trò quyết định trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, do gặp phải những vấn đề sau: (i) Nguồn vốn của Quỹ Phát triển DNNVV thường ít hơn so với nhu cầu của doanh nghiệp; (ii) Theo quy định về cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV, doanh nghiệp vẫn phải tiếp cận vốn theo cơ chế cho vay thương mại thông thường của tổ chức tín dụng (TCTD), nhưng thủ tục phức tạp hơn và thời gian xem xét cho vay lâu hơn so với việc vay trực tiếp từ TCTD. Do đó, dư nợ ủy thác cho vay qua TCTD đến hết tháng 04/2020 chỉ đạt 47,2 tỷ đồng; (iii) Bản thân Quỹ Phát triển DNNVV chưa muốn triển khai hoạt động cho vay trực tiếp vì e ngại rủi ro khi cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện.

Tuy nhiên, theo khảo sát năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (nay là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI), có đến 70% số DNNVV chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, trong đó gần 1/3 không thể tiếp cận với nguồn vốn của ngân hàng. Nguyên nhân do, DNNVV thường có khả năng tài chính hạn chế, tính minh bạch của thông tin chưa cao, các phương án sản xuất - kinh doanh chưa hiệu quả và cũng không có đủ tài sản thế chấp để đáp ứng điều kiện cho vay. Trong khi đó, ngân hàng có vai trò dẫn vốn cho nền kinh tế, nên việc cần phải đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng là yêu cầu đặc biệt quan trọng để kinh tế phát triển bền vững, hài hòa lợi ích từ 2 phía “khách hàng vay” và “người gửi tiền”. Do đó, ngân hàng cũng không thể hạ thấp tiêu chuẩn cho vay để đảm bảo tín dụng ngân hàng thực chất và hiệu quả. Như vậy, đây cũng là một hạn chế trong thực thi chính sách tài chính cho

phát triển doanh nghiệp. Do đó, để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, NHNN Việt Nam tiếp tục chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Từ đó, kịp thời đề xuất các giải pháp hiệu quả, bám sát thực tiễn và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần của nghị quyết. Các bộ, ngành liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục phối hợp chặt chẽ với NHNN Việt Nam và ngành ngân hàng triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất.

4. Một số giải pháp thực hiện một số chính sách chủ yếu hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19

Thứ nhất, thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. NHNN Việt Nam cần tiếp tục chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các tổ chức tín dụng triển khai, thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho các thương nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thu mua, tạm trữ thóc, gạo, nhất là tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ hai, các địa phương cùng với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ động nghiên cứu, thống nhất phương án, điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh an toàn, thích ứng với diễn biến dịch bệnh ở địa phương và điều kiện thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về việc cho phép doanh nghiệp, hợp tác

xã, hộ kinh doanh hoạt động trở lại khi đáp ứng điều kiện an toàn phòng, chống dịch; hạn chế tối đa đóng cửa toàn nhà máy, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng phải an toàn phòng, chống dịch; huy động tối đa các nguồn lực hiện có, nhất là hợp tác công tư để hỗ trợ cho người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, an toàn cho người lao động; không tạo ra các loại giấy phép “con”, các điều kiện cản trở lưu thông hàng hóa, không để xảy ra tiêu cực, làm tăng chi phí của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Thứ ba, ngoài các giải pháp về lãi suất, tín dụng, ngành ngân hàng đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng trên cơ sở rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn quy trình, thủ tục... đi đôi với việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không nói lỏng các điều kiện cấp tín dụng và kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Trong thời gian tới, NHNN cần tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai thiết thực, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp; khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để tiếp tục giảm lãi suất cho vay, bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh. Các tổ chức tín dụng tiếp tục rà soát cơ chế, thủ tục cho vay phù hợp hơn với thực tiễn thị trường và tình hình mới, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng, an toàn hệ thống để hỗ trợ các doanh nghiệp được vay vốn ngân hàng thuận lợi.

Thứ tư, kiên trì quan điểm mục tiêu xuyên suốt và nhất quán của chính sách tiền tệ là phải đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng. Bởi vậy, việc quy định các điều kiện cấp tín dụng là cần thiết để đảm bảo chất lượng tín dụng, kiểm soát nợ xấu phát sinh và cần cân nhắc hết sức kỹ lưỡng việc nói lỏng các điều kiện này. Do vậy, để tăng khả năng tiếp cận vốn, ngoài những giải pháp từ ngành ngân hàng, cần có sự phối hợp đồng bộ từ các chính sách khác về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh

doanh theo chủ trương của Quốc hội, Chính phủ. Khi hoạt động sản xuất kinh doanh được khôi phục, phương án kinh doanh khả thi, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn.

Thứ năm, trên quan điểm tiếp tục ưu tiên các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch Covid-19 để tạo sự ổn định trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp; Bộ Tài chính và các bộ ngành cần chú trọng công tác phân tích, dự báo tình hình kinh tế, chính trị, tài chính trên thế giới và trong nước để có những đề xuất, tham mưu chính sách tài chính kịp thời

nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, cũng như tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cụ thể, với các cơ chế hiện hành, phần lớn DNNVV không thuộc đối tượng được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Luật Quản lý nợ công và các quy định pháp luật có liên quan. Để có thể áp dụng các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ tương tự như các nước đã triển khai, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể tại Luật Quản lý nợ công và các quy định pháp luật có liên quan, bổ sung DNNVV thuộc đối tượng bảo lãnh của Chính phủ.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.
3. Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/3/2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV.
4. Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các TCTD trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV.
5. Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.
6. Trang thông tin điện tử Tổng cục Thống kê: <https://www.gso.gov.vn/>
7. Trang thông tin điện tử Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI): <https://www.vcci.com.vn/>
8. Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước: <https://sbv.gov.vn/>

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN HỖ TRỢ TIẾP CẬN NGUỒN VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH Covid-19 - TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Trần Văn Duy

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Dẫn nhập

Để ứng phó kịp thời, có hiệu quả trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch Covid-19; chung sức, đồng lòng cùng doanh nghiệp quyết tâm nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện thành công mục tiêu kép là vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp bị tác động bởi dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để huy động hiệu quả mọi nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh những nơi có nhu cầu, hoạt động hiệu quả và đảm bảo điều kiện an toàn theo tiêu chí của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; qua đó góp phần giữ ổn định tăng trưởng kinh tế, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh khi dịch được kiểm soát, đảm bảo thu ngân sách nhà nước và chi thường xuyên. Duy trì hoạt động hỗ trợ vốn, giảm chi phí cho các doanh nghiệp đang sản xuất để phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh sau dịch Covid-19 và đảm bảo an sinh xã hội, việc làm, chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động; hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho người lao động, người sử dụng lao động.

2. Chính sách triển khai hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, thể hiện tinh thần đồng hành: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện theo dõi sát tình hình hoạt động, chủ động nắm bắt các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết với tinh thần hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp và người

lao động. Các sở, ban, ngành phụ trách các lĩnh vực chủ động cập nhật các chính sách hỗ trợ mới và đề xuất triển khai ngay với các hướng dẫn cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp, người lao động tiếp cận chính sách.

Thứ hai, quyết liệt chỉ đạo việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: Giải pháp hỗ trợ về tín dụng đã giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên địa bàn Thành phố trong năm 2021 theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Thứ ba, kịp thời kiến nghị Ngân hàng nhà nước triển khai gói tín dụng với mức lãi suất ưu đãi để dự trữ nguyên liệu, vật tư, hàng hóa dành cho các doanh nghiệp sản xuất, phân phối hàng thiết yếu nhằm bình ổn thị trường và phục hồi sản xuất sau khi dịch được kiểm soát; các doanh nghiệp sản xuất vật tư tiêu hao phục vụ ngành y tế, đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ tăng mức hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động theo mô hình 03 tại chỗ, một cung đường 02 điểm đến (hoặc mô hình đã được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thực hiện, gọi tắt là doanh nghiệp



(Ảnh và nguồn: sản xuất tại Công ty Việt Thắng Jean – TP. Hồ Chí Minh)

3T) cao hơn mức hỗ trợ hiện hành về vốn vay ngân hàng và đơn giản hóa các thủ tục hỗ trợ, cho vay.

Thứ tư, tăng cường phối hợp với Sở Công Thương, Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các tổ chức tín dụng đẩy mạnh thực hiện các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chương trình bình ổn giá; nắm bắt thông tin tình hình khó khăn doanh nghiệp và kịp thời tháo gỡ, đặc biệt là các thủ tục về tín dụng, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp trong tiếp cận và cập nhật các chính sách hỗ trợ mới của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương.

Thành phố đã giao Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận huyện triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được vay lãi suất 0%, không phải bảo đảm tiền vay, để trả lương ngừng việc cho người lao động phải ngừng việc do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

3. Kinh nghiệm triển khai hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, Thành phố Hồ Chí Minh xác định tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh trên tinh thần tập trung tháo gỡ rào cản vướng mắc, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; tiếp tục khơi thông và tạo động lực tăng trưởng mới.

Tính đến hết tháng 03/2022, tổng dư nợ tín dụng của DNNVV tại các ngân hàng thương mại (NHTM) ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt trên 620.000 tỷ đồng. Số dư nợ này chỉ đáp ứng được gần 60% nhu cầu vay vốn của các DNNVV trên địa bàn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này nhưng chủ yếu tập trung vào các nhân tố như đã phân tích ở phần trên. Nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn hỗ trợ vốn cho DN khởi nghiệp, DNNVV trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025, ngày 20/7/2020 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 1292/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình kết nối các ngân hàng, tổ chức tín dụng và Nhà nước cho các đối tượng doanh nghiệp này.

Theo đó, Thành phố xác định tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, DNNVV tiếp cận vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh trên tinh thần tập trung tháo gỡ rào cản vướng mắc, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; tiếp tục khơi thông và tạo động lực tăng trưởng mới. Đồng thời, khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với DNNVV dựa trên xếp hạng tín dụng doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác.

Để thực hiện mục tiêu trên, trong giai đoạn 2020 - 2025, chương trình tiếp tục tập trung thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, DNNVV thông qua các hoạt động như: Tổ chức cho các ngân hàng thương mại trên địa bàn đăng ký gói tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp hàng năm. Tổ chức hội nghị kết nối chuyên đề, ngoài các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cho vay trong khu chế xuất, khu công nghiệp, doanh nghiệp phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng của thành phố; bổ sung chương trình kết nối, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp, DNNVV với lãi suất ưu đãi, hợp lý. Ngày 11/5/2021, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2021 - 2025. Đây cũng là giải pháp hỗ trợ cho DNNVV có đầy đủ các yếu tố pháp lý để tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Thứ hai, thị trường tiền tệ ổn định, lãi suất, tỷ giá diễn biến theo đúng định hướng điều hành của Ngân hàng Trung ương và thực hiện nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô: kiểm soát lạm phát và hỗ trợ doanh nghiệp. So với cuối năm 2020, lãi suất cho vay giảm khoảng 0,15%/năm - 1,33%/năm; tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, phục vụ tốt cho hoạt động xuất nhập khẩu, phục hồi kinh tế và đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ trong năm. Đây là điểm nổi bật và khác biệt so với những giai đoạn kinh tế vĩ mô gặp khó khăn trước đây do tác động của khủng hoảng. Thị trường tiền tệ ổn định là nền tảng rất quan trọng để thực hiện tốt các giải pháp về phục hồi và tăng trưởng kinh tế trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Thứ ba, thực hiện tốt hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Ngành ngân hàng thành phố đã và đang tập trung hỗ trợ doanh nghiệp với 03 hoạt động chính sau: (1) Cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ và giảm lãi suất cho vay. Đến nay tổng giá trị nợ đã hỗ trợ cho doanh nghiệp hộ kinh doanh và hợp tác xã trên địa bàn đạt gần 2,2 triệu tỷ đồng, gồm: cơ cấu lại nợ; giảm lãi suất cho vay và cho vay mới với lãi suất thấp; (2) Tập trung vốn cho phục hồi tăng trưởng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc thực hiện các chương trình tín dụng của Chính phủ, của Ngân hàng Trung ương (NHTW) và của Ủy ban nhân dân Thành phố: cho vay 05 nhóm ngành lĩnh vực ưu tiên; cho vay kích cầu đầu tư; cho vay KCX - KCN; cho vay lĩnh vực nông nghiệp & nông thôn; các chương trình tín dụng chính sách... Riêng cho vay 05 nhóm ngành lĩnh vực ưu tiên đạt gần 190 nghìn tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm trên 60% dư nợ cho vay chương trình này; (3) Thực hiện chương trình kết nối ngân hàng doanh nghiệp, chương trình cho vay bình ổn thị trường. Đến nay, nhiều quận huyện đã phối hợp với Sở Công thương, NHNN Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chương trình kết nối ngân hàng doanh nghiệp sau khi dịch bệnh được kiểm soát. Tổng số tiền đã giải ngân theo kế hoạch của chương trình đạt trên 447 nghìn tỷ đồng, bằng 120% kế hoạch (đầu năm các TCTD trên địa bàn đăng ký gói tín dụng của chương trình là 312 nghìn tỷ đồng).



Ảnh: Duy Mạnh - TTXVN

Thứ tư, duy trì hoạt động hiệu quả trong điều kiện giãn cách xã hội. Là một trong nhóm ngành, lĩnh vực phải duy trì hoạt động bởi sự cần thiết đáp ứng nhu cầu dịch vụ ngân hàng, nhất là hoạt động thanh toán, chuyển tiền trong

nền kinh tế khi nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch, nhiều lĩnh vực tạm ngưng hoạt động; yêu cầu đó không chỉ đảm bảo sự thông suốt trong lưu thông hàng hóa tiền tệ mà còn bảo đảm an ninh tiền tệ quốc gia. Trong bối cảnh đó, với những yêu cầu nghiêm ngặt về dịch tễ để phòng chống dịch: an toàn sức khỏe cán bộ nhân viên ngân hàng; thực hiện quy định giãn cách; áp dụng mô hình 3 tại chỗ; một cung đường hai điểm đến và yêu cầu về duy trì hoạt động; về an toàn ngân quỹ, trụ sở kinh doanh... đã tạo ra rất nhiều khó khăn cho các TCTD. Song ngành ngân hàng thành phố đã thực hiện và thực hiện tốt công tác này, cùng thành phố phòng chống dịch hiệu quả.

Thứ năm, các ngân hàng phải thông tin, tư vấn, hướng dẫn khách hàng, doanh nghiệp để nắm bắt và tiếp cận kịp thời chính sách hỗ trợ. Qua đó, bảo đảm tổ chức thực hiện tốt và đưa chính sách đi vào thực tiễn có hiệu quả. Trong trường hợp từ chối hỗ trợ lãi suất thì ngân hàng phải có văn bản thông báo cho khách hàng. Ngoài ra, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, các ngân hàng thương mại trên địa bàn cần báo cáo ngay về NHNN chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để kịp thời giải quyết.

Thành phố có những chính sách tiếp cận vốn

tín dụng mới thời điểm này không dễ khi nhiều ngân hàng đã cạn hạn mức tăng trưởng tín dụng và đang chờ được cấp hạn mức tăng thêm. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh vừa có văn bản gửi các ngân hàng thương mại trên địa bàn về việc tăng cường cho vay hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh từ nguồn vốn ngân sách. Trường hợp khách hàng đủ điều kiện theo quy định, ngân hàng phải thực hiện thông báo và hỗ trợ khách hàng làm thủ tục để được hưởng gói hỗ trợ lãi suất 2% từ ngân sách.

Các NHTM phải kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo đúng mục đích sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất. Đồng thời, theo dõi, lưu trữ hồ sơ, hạch toán, thống kê các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định. Ngoài ra, các ngân hàng thương mại cho vay hỗ trợ lãi suất phải thực hiện chế độ báo cáo nghiêm túc, minh bạch về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó, có những tháo gỡ vướng mắc khó khăn nếu có. Nhiều doanh nghiệp cho biết việc được hỗ trợ giảm lãi vay sẽ góp phần giúp họ bớt áp lực chi phí tài chính. Dù vậy, việc tiếp cận vốn tín dụng mới thời điểm này không dễ khi nhiều ngân hàng đã cạn hạn mức tăng trưởng tín dụng và đang chờ được cấp hạn mức tăng thêm.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.
3. Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/3/2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
5. Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHỤC HỒI SẢN XUẤT SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

ThS. Trương Thị Minh Thùy

Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Theo khoản 1 Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và có tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng số doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Do đó, các doanh nghiệp này có sự đóng góp đáng kể vào tổng GDP của TP. HCM, giữ vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế của TP. Hồ Chí Minh cũng như tạo ra nguồn việc làm đa dạng cho người dân ở TP. Hồ Chí Minh. Đại dịch Covid-19 vừa qua gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế của nước ta, trong đó có hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những khó khăn mà các doanh nghiệp này phải đối mặt bao gồm sự thiếu hụt về nguồn vốn, gánh nặng tài chính từ các khoản vay, thuế, phí mặt bằng, kho bãi, bảo hiểm xã hội... Cuối năm 2021, gần 3.500 doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh đã ký vào thư “kêu cứu” Chính phủ. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua những khó khăn trên. Với vai trò “đầu tàu kinh tế”, TP. Hồ Chí Minh một mặt đã có những hành động triển khai thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước, mặt khác đã có những giải pháp kịp thời, linh động, sáng tạo trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19.



2. Thành phố Hồ Chí Minh với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19

2.1. Chính sách về tài chính - ngân hàng

Ngày 13/03/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Đây là văn bản có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bởi lẽ, với những doanh nghiệp vẫn còn duy trì được hoạt động và còn khả năng trả nợ gốc, lãi cho các tổ chức tín dụng thì việc giảm lãi suất vẫn có thể là một cách thức hỗ trợ đối với họ. Nhưng với những doanh nghiệp nhỏ và vừa không thể tiếp tục duy trì được hoạt động hoặc vẫn hoạt động nhưng không đủ khả năng chi trả gốc và lãi cho ngân hàng thì việc cơ cấu lại thời

hạn trả nợ mới là sự hỗ trợ cần thiết và khả thi. Sau đó, với những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, để hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN theo hướng mở rộng thời hạn và đối tượng được hỗ trợ.

Trong thời gian qua, TP. Hồ Chí Minh đã yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn thành phố tích cực triển khai các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất. Theo đó, hệ thống ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đã tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN. Hoạt động này đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19. Trong 9 tháng đầu năm 2021, TP. Hồ Chí Minh đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ với số tiền là 127.193 tỷ đồng, miễn giảm lãi suất là 7.251 tỷ đồng, cho vay mới là 334.000 tỷ đồng¹.

Ngày 11/01/2022, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua. Với chính sách này, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP.

Hồ Chí Minh có thể giải quyết vấn đề nguồn vốn khi phục hồi sản xuất thông qua việc tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất trên. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa đã gặp khó khăn khi tiếp cận gói hỗ trợ này. Nguyên nhân được ngân hàng đưa ra là vì chưa có quy định cụ thể.

Ngày 20/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Ngân hàng nhà nước cũng tổ chức nhiều buổi hội nghị để lấy ý kiến và hướng dẫn quy trình cho các ngân hàng về những quy định trên. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất (2%/năm).

Bên cạnh chính sách trên, TP. Hồ Chí Minh còn có sự hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất thông qua Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp. Chương trình này nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh cũng như góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quan hệ vay vốn giữa doanh nghiệp và ngân hàng. Trước những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, TP. Hồ Chí Minh đã tăng cường thực hiện Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp với mục tiêu là không để doanh nghiệp nào, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đủ điều kiện vay vốn mà không thể tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Năm 2021, tại TP. Hồ Chí Minh, có 11 thương hiệu ngân hàng đăng ký tham gia chương trình với tổng số tiền đăng ký cho vay 312.045 tỷ đồng, lãi suất áp dụng tối đa không quá 4,5%/năm đối với cho vay ngắn hạn, xoay quanh mức 9%/năm đối với cho vay trung - dài hạn và các hình thức hỗ trợ khác như giảm lãi suất khoản vay cũ, tăng hạn mức cho vay, cơ cấu lại kỳ hạn nợ².

¹ Minh Hiệp, TP. Hồ Chí Minh kết nối, đồng hành cùng doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/tp-hcm-ket-noi-dong-hanh-cung-doanh-nghiep-phuc-hoi-san-xuat-kinh-doanh-1491886086>, truy cập ngày 23/8/2022.

² Thanh Nhân, TP. HCM kết nối gói hỗ trợ tín dụng 70.000 tỉ đồng cho doanh nghiệp, <https://nld.com.vn/kinh-te/tp-hcm-ket-noi-goi-ho-tro-tin-dung-70000-ti-dong-cho-doanh-nghiep-20211020104026194.htm>, truy cập ngày 20/8/2022.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn chính thống. Bởi, đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đáp ứng được các điều kiện để vay vốn ngân hàng, như: tài sản bảo đảm, tính khả thi của phương án kinh doanh³... Để giải quyết vấn đề này, TP. Hồ Chí Minh cần tạo nên các “kênh” đa dạng khác để doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận nguồn vốn. Chẳng hạn như: Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút FDI, đẩy mạnh đầu tư đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), chú trọng phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp,...

2.2. Chính sách về thuế, phí, lệ phí

Ngày 19/10/2021, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19. Theo đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 nếu có doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong một số lĩnh vực như: dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống; dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch... được giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng hoặc 30% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng (tùy phương pháp tính thuế) kể từ ngày 01/11/2021 đến hết ngày 31/12/2021. Ngày 19/4/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021. Ngày 11/01/2022, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết này đã giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% về 8%. Đồng thời, Nghị quyết cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản

³ 75% doanh nghiệp nhỏ chưa tiếp cận được vốn vay chính thức, <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=191&l=Bantin>, truy cập ngày 19/8/2022.

chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

Ngày 28/5/2022, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 34/2022/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022. Theo đó, các doanh nghiệp vừa hoạt động trong một số lĩnh vực được Nghị định này quy định như: Sản xuất đồ uống, hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm... và các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ hoạt động trong tất cả các lĩnh vực sẽ được gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất. TP. Hồ Chí Minh đã tích cực triển khai thực hiện các quy định trên để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, qua thực tế thực hiện các quy định trên, theo Hiệp hội doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh, các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa, đã gặp khó khăn trong việc áp dụng chính sách giảm thuế giá trị gia tăng. Nguyên nhân xuất phát từ việc một số hàng hóa trong danh mục hàng hóa được giảm thuế chưa được quy định cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng một số Cục thuế có cách giải thích không rõ ràng, không hoàn toàn giống nhau⁴. Để giải quyết vấn đề này, thiết nghĩ, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết các quy định về miễn giảm thuế, phí, lệ phí.

2.3. Chính sách về chuyển đổi số

Chuyển đổi số doanh nghiệp vừa và nhỏ là việc tích hợp công nghệ số vào quá trình hoạt động kinh doanh, với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao trải nghiệm, làm hài lòng khách hàng và tạo được lợi thế cạnh tranh trên thị trường⁵. Để phục hồi sản xuất sau

⁴ Tú Uyên, *Giảm thuế VAT vẫn còn vướng mắc*, <https://plo.vn/giam-thue-vat-van-con-vuong-mac-post689161.html>, truy cập ngày 18/8/2022.

⁵ *Chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ*, <https://fsivietnam.com.vn/chuyen-doi-so-cho-doanh-nghiep-vua-va-nho-21691/#:~:text=Chuy%E1%BB%83n%20%C4%91%E1%BB%95i%20s%E1%BB%91%20>



Nguồn: Báo điện tử VOV

đại dịch Covid-19, vốn và chuyển đổi số được xem là hai yếu tố quan trọng, vô cùng cần thiết đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng Trung tâm hỗ trợ và tư vấn chuyển đổi số. Mục tiêu của Trung tâm là cung cấp ít nhất 1.000 sản phẩm, giải pháp cho hoạt động chuyển đổi số và 100 mô hình chuyển đổi số ở các lĩnh vực khác nhau và phục vụ các đối tượng theo thứ tự ưu tiên: doanh nghiệp nhỏ và vừa, các đơn vị, tổ chức có nhu cầu chuyển đổi số; doanh nghiệp công nghệ số mong muốn tiếp cận khách hàng tiềm năng để chuyển giao công nghệ...⁶ Tuy nhiên, dù đã được TP. Hồ Chí Minh hỗ trợ nhưng chuyển đổi số vẫn còn là một khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, một số doanh nghiệp vẫn chưa thể áp dụng thành công chuyển đổi số do tư duy “*mua phần mềm về sử dụng đã là chuyển đổi số*”. Bởi, nếu không có quy trình vận hành khoa học, việc sử dụng phần mềm chỉ tạo ra các loại báo cáo, những dữ liệu không chuẩn xác. Ngoài ra, phần

doanh%20nghi%E1%BB%87p,c%E1%BA%A1nh%20 tranh%20tr%C3%AA%20th%E1%BB%8B%20 tr%C6%B0%E1%BB%9Dng, truy cập ngày 18/8/2022.

⁶ Bá Tân, Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, <https://www.sggp.org.vn/ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-chuyen-doi-so-800152.html>, truy cập ngày 18/8/2022.

lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chưa tiến hành chuyển đổi số. Nguyên nhân có thể xuất phát từ sự khó khăn về vốn, tư duy “ngại” đổi mới trong tình hình xu hướng công nghệ thay đổi liên tục; sự thiếu hụt và yếu kém trong chiến lược, nhân sự chuyển đổi số... Để giải quyết vấn đề này, TP. Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, tạo điều kiện để các doanh nghiệp này được tiếp cận tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số cũng như được tư vấn hỗ trợ chuyên sâu về chuyển đổi số.

2.4. Chính sách về bảo hiểm xã hội

Ngày 01/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/2021/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19⁸. Theo đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động,

⁷ Tất Đạt, *Vì sao doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn ngại chuyển đổi số?*, <https://vnexpress.net/vi-sao-doanh-nghiep-vua-va-nho-van-ngai-chuyen-doi-so-4471371.html>, truy cập ngày 18/8/2022.

⁸ Nghị quyết này đã được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

bệnh nghề nghiệp cũng như chính sách tạm dừng đóng quỹ hưu trí và tử tuất. TP. Hồ Chí Minh đã nhanh chóng triển khai các quy định trên. Tính đến cuối tháng 9/2021, 260 đơn vị, doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh đã được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội (Quỹ hưu trí và tử tuất) với số tiền 358 tỉ đồng. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh dự kiến số thực hiện giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 0,5% xuống 0% trong 1 năm (từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/6/2022) cho hơn 101.350 đơn vị, doanh nghiệp với số tiền 1.061 tỷ đồng để doanh nghiệp hỗ trợ người lao động phòng, chống dịch bệnh Covid-19⁹.

3. Kết luận

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là một trong những đối tượng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Trước tình hình đó, Đảng và

Nhà nước ta đã có những chính sách hỗ trợ kịp thời và đúng đắn. TP. Hồ Chí Minh là một trong những địa phương triển khai nghiêm túc, nhanh chóng và có hiệu quả những chính sách này. Song song đó, TP. Hồ Chí Minh còn có những giải pháp sáng tạo, linh hoạt. Một số chính sách quan trọng mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh được hỗ trợ để phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19 bao gồm: chính sách về tài chính - ngân hàng, chính sách về thuế, phí, lệ phí, chính sách về chuyển đổi số, chính sách về bảo hiểm xã hội,... Mặc dù việc thực thi các chính sách này vẫn còn một số khó khăn nhưng với tinh thần quyết tâm, sáng tạo, TP. Hồ Chí Minh đã cùng các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua những khó khăn ấy, tạo cơ sở phục hồi sản xuất, góp phần tạo nên sự phát triển vượt bậc cho nền kinh tế TP. Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian tới.

⁹ Nam Dương, 260 doanh nghiệp được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội 358 tỉ đồng, <https://laodong.vn/cong-doan/260-doanh-nghiep-duoc-tam-dung-dong-bao-hiem-xa-hoi-358-ti-dong-958575.lido>, truy cập ngày 18/8/2022.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỚI CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHỤC HỒI SẢN XUẤT SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

TS.NCVC. Trần Văn Duy

*Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam;
Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội*

1. Khát quát chung về thực trạng phát triển và hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19

Thời gian qua, ở Việt Nam, việc thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam khá đơn giản, các doanh nghiệp này không cần vốn đầu tư quá nhiều, bộ máy tổ chức, sản xuất thường gọn nhẹ, đơn giản và chỉ tập trung hướng tới những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có lợi nhuận không quá cao. Nhà nước đã thực hiện tốt việc bảo đảm quyền tự do gia nhập thị trường cho các DN nói chung và DN nhỏ và vừa nói riêng.

Để giúp cho các DN không bị các điều kiện KD cản trở trong quá trình gia nhập thị trường kinh doanh, Nhà nước đã nỗ lực cải cách điều kiện KD và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể: Tính đến hết tháng 11 năm 2018, đã có 25 nghị định về sửa đổi, cắt giảm điều kiện KD được ban hành, sửa đổi cho 80 nghị định, trải rộng trên 15 lĩnh vực của 15 bộ, ngành. Bên cạnh đó các thủ tục không cần thiết liên quan đến con dấu hay thủ tục khai thuế cũng được bãi bỏ trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Như vậy, các yêu cầu về điều kiện về đăng ký KD bất hợp lý đã được cắt bỏ, giúp giảm tải được gánh nặng về chi phí, thời gian cho các chủ thể KD trong quá trình gia nhập thị trường để thúc đẩy nhanh quá trình gia nhập vào thị trường KD của DN nói chung và DN vừa và nhỏ nói riêng.

Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, năm 2018 có 23 927 DN nhỏ và vừa thành lập mới; năm 2019 có 25 758 DN nhỏ và vừa thành lập mới; năm 2020 có 25 250 DN nhỏ và vừa thành lập mới; năm

2021 có 22 895 DN nhỏ và vừa thành lập mới. Như vậy, số DN nhỏ và vừa gia nhập thị trường giai đoạn năm 2018- 2019 tăng 8%, tuy nhiên, sang giai đoạn 2019-2021 có sự sụt giảm về số DN nhỏ và vừa gia nhập thị trường do ảnh hưởng khó khăn của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến KD.

Bên cạnh đó, số lượng DN quay trở lại hoạt động thì tăng đều qua các năm. Trong năm 2018-2021 tình hình DN vừa và nhỏ quay trở lại hoạt động có xu hướng tăng đều cho thấy hiệu quả sự cải cách thủ tục hành chính. Cho thấy tình hình DN quay trở lại hoạt động tăng đều từ năm 2018 đến năm 2021, đặc biệt là năm 2021. Có thể nói, việc hoàn thiện pháp luật, cởi bỏ các rào cản cho DN đã tạo dựng niềm tin và thu hút sự tham gia, đóng góp của khối tư nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. Cụ thể, riêng năm 2021 số DN nhỏ và vừa quay trở lại hoạt động là rất lớn, tăng 60% so với năm 2020. Trong 10 tháng năm 2021, số doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 76%, nhưng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới lại giảm 10%, doanh nghiệp giải thể tăng 26%, doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ, một số chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ bị gián đoạn; việc giao thương hàng hóa, đi lại của các doanh nhân, chuyên gia, người lao động cũng gặp nhiều khó khăn và bị xáo trộn bởi đại dịch COVID-19.

Trên đà đó, kinh tế Thành phố, trong quý II/2022, tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Quý II-2022, ước tăng 9,49% (cao hơn 1,4 lần kịch bản đưa ra đầu năm là 6,4-6,9%). Lũy kế 6 tháng GRDP

tăng 7,79% (gấp 1,29 lần mức tăng cùng kỳ năm 2021 là 6,02% và 1,08 lần mức tăng cùng kỳ năm 2019 là 7,21% - thời điểm chưa xảy ra dịch Covid-19); trong đó, dịch vụ tăng 9,05% (gấp 1,54 lần mức tăng cùng kỳ 5,87%), công nghiệp tăng 6,73% (cùng kỳ tăng 7,66%), xây dựng tăng 5,54%, nông nghiệp tăng 2,39%, thuế sản phẩm tăng 4,55%... Cân đối thu - chi ngân sách được bảo đảm với tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 177.464 tỷ đồng, đạt 56,9% dự toán, bằng 122,4% so với cùng kỳ năm 2021¹.

2. Thực trạng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19 tại thành phố Hà Nội

Thứ nhất, về tăng cường niềm tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thành phố tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đẩy nhanh công tác quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Tổng kết thi hành Luật Thủ đô.

Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội tổ chức Hội nghị “*Đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh dịch sau COVID-19*”². Các báo cáo, ý kiến, phân tích của các đại biểu tại hội nghị đã giải quyết, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của thành phố Hà Nội trong thời gian qua; đồng thời đề ra các giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế của thành phố Hà Nội trong thời gian tới. Mặc dù gặp nhiều khó khăn khi thành phố thực hiện biện pháp giãn cách xã hội, nhưng với ý thức trách nhiệm cao, các doanh nghiệp đã nghiêm túc chấp hành các biện pháp phòng, chống sau đại dịch bệnh của thành phố, chủ động xây dựng và vận hành phương án sản xuất, kinh doanh thích nghi với tình hình sau

dịch bệnh và phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Thành phố đã nhanh chóng có các giải pháp cụ thể hóa Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ về “*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả sau đại dịch COVID-19*” để khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện, cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Cùng với đó là đẩy nhanh hơn nữa tiến độ tiêm và nâng tỷ lệ bao phủ vaccine mũi 4 và các mũi tiếp theo đối với người lao động tại các doanh nghiệp; có hướng dẫn cụ thể hơn về công tác phòng, chống dịch tại chỗ đối với khu vực kinh tế này, tránh tình trạng bị đóng cửa toàn bộ nhà máy như tình hình những năm 2019 khi đại dịch bùng phát.

Thứ hai, thành phố ban hành nhiều giải pháp đồng bộ thực hiện xem xét, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Trước các khó khăn vướng mắc doanh nghiệp, thành phố đã ban hành Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 1/11/2021 phục hồi và phát triển kinh tế thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong quý IV/2021 và các năm 2022, 2023 để triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ. Về các ý kiến vướng mắc, khó khăn chưa được giải đáp trong Hội nghị này, UBND thành phố cũng có văn bản giao nhiệm vụ cho các sở ngành, địa phương xem xét, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

Thành phố đã triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và chỉ đạo của các cơ quan Trung ương; đồng thời tiếp tục nắm sát tình hình dịch bệnh để kịp thời xử lý theo đúng phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả” gắn với thúc đẩy hơn nữa hoạt động phục hồi, sản xuất kinh doanh... Lãnh đạo thành phố cam kết sẽ luôn đồng hành, kiên trì, quyết liệt để tháo gỡ, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong giai đoạn sau đại dịch COVID-19 để tăng tốc, bứt phá. Trong tháng 6 và các tháng cuối năm 2022, thành phố Hà Nội đặt ra 8 nhiệm vụ trọng

¹ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (2022), *Báo cáo thực hiện việc quản lý Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội, tr.2-3

² UBND thành phố Hà Nội (2021), *Báo cáo Hội nghị Đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh dịch sau COVID-19*, Hà Nội, tr.5-6

tâm. Trong đó, Hà Nội tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh như: Miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí và lệ phí; giảm tiền thuê đất, mặt nước; gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ lãi suất ngân hàng; cho vay ưu đãi qua Ngân hàng chính sách xã hội... Ví dụ, một trong những giải pháp ngành du lịch Thủ đô tập trung trong thời gian tới là hỗ trợ doanh nghiệp du lịch phục hồi, phát triển trong bối cảnh tác động của đại dịch COVID-19. Sở Du lịch Hà Nội thực hiện kế hoạch đề xuất thành phố triển khai kịp thời các giải pháp, cơ chế, chính sách tài chính, tín dụng, chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo nhân lực để hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân tham gia kinh doanh du lịch duy trì hoạt động, vượt qua khó khăn do tác động sau đại dịch COVID-19. Cơ quan này sẽ hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia kinh doanh du lịch đổi mới mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm mới, xúc tiến quảng bá du lịch, phục hồi và phát triển thị trường du lịch. Đồng thời, đề xuất đơn giản các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch; đề xuất giảm phí, lệ phí các thủ tục, giảm ký quỹ kinh doanh đối với doanh nghiệp du lịch bị ảnh hưởng sau dịch COVID-19.



Doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố triển khai duy trì doanh và phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19

(Nguồn: Trang Điện tử tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật thành phố Hà Nội)

Thứ ba, thực hiện tham gia cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ hỗ trợ trực tiếp cho người lao động để NLĐ đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua sau đại dịch. Hà Nội ban hành Quyết

định hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh đã ký ban hành Quyết định số 3642/QĐ-UBND về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quyết định số 3642/QĐ-UBND nhằm triển khai thực hiện gói hỗ trợ 26.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động (LĐ) và người sử dụng LĐ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Những người LĐ tự do làm việc tại ngành nghề kinh doanh không thiết yếu phải tạm dừng hoạt động để phòng chống dịch được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người.

Thứ tư, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đẩy mạnh hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sau đại dịch COVID-19. Thực hiện triển khai mạnh mẽ Đề án của Thủ tướng Chính phủ về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giai đoạn 2021-2030” nhằm thể chế hoá Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là rất cần thiết để kịp thời hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp dễ bị tổn thương sau đại dịch COVID-19, tập trung vào các vấn đề lớn như: Hỗ trợ doanh nghiệp các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, trọng tâm trọng điểm, thể hiện tính liên ngành, liên vùng và mang tầm quốc gia. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện cùng với các cơ quan chuyên môn chú trọng đổi mới hình thức, phương pháp, mô hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; củng cố và phát triển đội ngũ tư vấn viên, tuyên truyền viên pháp luật, nhất là người làm công tác pháp chế cho doanh nghiệp; tổ chức tọa đàm, hội nghị, đối



Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội
đã tổ chức tiếp nhận ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 lần thứ 9

(Nguồn: Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội)

thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ năm, UBND thành phố đồng hành các hội, hiệp hội doanh nghiệp thành phố đẩy mạnh các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tới các doanh nghiệp; tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp, tập hợp, phản ánh các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp tới cơ quan chức năng để kịp thời phối hợp giải quyết; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại nội khối, xúc tiến giao thương trong nước và quốc tế. Chính vì vậy, ngày 16/12/2021, UBND thành phố Hà Nội ban hành Công văn số 4532/UBND-KT về đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố.

Theo đó, căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về nội dung trên, UBND thành

phố giao các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm hỗ trợ kịp thời, thiết thực cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần hoàn thành các mục tiêu phục hồi, tăng trưởng kinh tế trong năm 2021 và giai đoạn 2022-2025. UBND thành phố giao Sở Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thiện và trình UBND thành phố phê duyệt kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025; tăng cường chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử về hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để các doanh nghiệp khai thác hiệu quả tài nguyên thông tin, nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp...; chủ động triển khai hiệu quả các chương trình, đề án được giao chủ trì về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp.

Thứ sáu, ban hành chính sách huy động các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội,... tham gia hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận chính sách phục hồi kinh tế. Ví dụ, các cấp Hội LHPN Hà Nội đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, hỗ trợ 2560 phụ nữ khởi nghiệp, kết nối hỗ trợ hàng ngàn phụ nữ khởi nghiệp, doanh nghiệp do nữ làm chủ đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm qua các kênh trực tiếp và trực tuyến. Từ đó, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do nữ làm chủ đã vượt qua mọi khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, ổn định sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, trong 6 tháng đầu năm 2022, các nữ doanh nghiệp đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, tạo được nhiều việc làm cho người lao động và đóng góp xây dựng ngân sách Thủ đô³.

Thứ sáu, triển khai các chương trình, chính sách cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa để phục hồi, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội chủ trì triển khai các chương trình, chính sách cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa để phục hồi, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội và các ngân hàng... đã trao đổi, chia sẻ, tư vấn để các doanh nghiệp tiếp cận với các nội dung như: Nghị quyết số 43/2022/QH 15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế; Nghị quyết 80/CP, Nghị quyết 11/CP ngày 30/1/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/QH của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình này; Kế hoạch số 91/2022/ KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội. Bên cạnh đó, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp

nhỏ và vừa, đồng thời, tổ chức hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời để các doanh nghiệp tham gia.

3. Gợi mở một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19 tại thành phố Hà Nội

Thứ nhất, mở rộng các phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố. Cụ thể, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, bao gồm chương trình khởi sự kinh doanh, đào tạo quản lý, xúc tiến xuất khẩu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển đội ngũ tư vấn về xây dựng dự án, kế hoạch kinh doanh,... Các cấp chính quyền địa phương thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp nhỏ và vừa để giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp đặc biệt là các vướng mắc liên quan đến khôi phục sản xuất sau đại dịch Covid-19. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố cần được tăng cường cả về lực lượng và trang bị, có phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc hỗ trợ và quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trao đổi thông tin, có biện pháp cứng rắn, xử lý nghiêm minh viên chức, cán bộ gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện khôi phục sản xuất sau đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố như cơ quan thuế, công an, ban quản lý khu kinh tế,... cần phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ với nhau hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhanh chóng, hiệu quả.

Thứ hai, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố, để bảo đảm tốt quyền và lợi ích của chính chủ thể thì các chủ thể này cần phải chủ động tìm hiểu, nắm bắt nội dung quy định của pháp luật về quá trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiểu được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền và nghĩa vụ của mình để đảm bảo thực hiện đúng pháp luật quy định, tránh những rủi ro, hậu quả xấu do không hiểu biết

³ Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội (2022), Báo cáo Hội nghị “Đối thoại doanh nghiệp nữ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh dịch sau COVID-19”, Hà Nội, tr.2

pháp luật mà vi phạm. Bên cạnh đó, chủ thể kinh doanh cần phải nhanh nhạy nắm bắt các chính sách, quy định của Nhà nước trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để tiếp cận, tận dụng hưởng những ưu đãi từ các chính sách này. Mặt khác các chủ thể kinh doanh cũng cần phải tham gia tích cực vào các tổ chức xã hội nghề nghiệp để từ đó kiến nghị sửa đổi các chính sách, pháp luật gây cản trở trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19.

Thứ ba, đối với các tổ chức xã hội nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc bảo đảm các quyền và lợi ích của các chủ thể KD thì các tổ chức xã hội nghề nghiệp cần nâng cao nhận thức về sứ mệnh của mình trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng của DN hội viên khi thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19 tại thành phố Hà Nội.

HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CẦN SỰ KẾT HỢP GIỮA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC BỘ NGÀNH LIÊN QUAN

Luật sư Lê Văn Nhật

Trung tâm Hỗ trợ Pháp luật và phát triển nguồn nhân lực

1. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là DNNVV) có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, kể cả ở các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển. Đây là lực lượng tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, tạo công ăn, việc làm chủ yếu cho người lao động, góp phần giảm thất nghiệp; qua đó giúp nền kinh tế được ổn định và tăng trưởng.

Với vai trò đó, trong thời gian qua Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản, chính sách hỗ trợ cho sự phát triển của DNNVV. Ngày 12/06/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là Luật hỗ trợ DNNVV), đây là văn bản luật quan trọng khẳng định cam kết của Nhà nước về phát triển khu vực kinh tế tư nhân (mà trong đó đại đa số là các DNNVV), với mục tiêu đưa doanh nghiệp khu vực tư nhân trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế. Luật được ban hành với các mục tiêu chính là thiết lập ra khung pháp lý cao nhất đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ DNNVV, góp phần hình thành khu vực DNNVV, doanh nghiệp tư nhân năng động, sáng tạo, lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Luật Hỗ trợ DNNVV quy định 02 nhóm nội dung hỗ trợ DNNVV, bao gồm nhóm các hoạt động hỗ trợ chung dành cho tất cả các DNNVV và nhóm hỗ trợ mang tính trọng tâm,



trọng điểm, ưu tiên nguồn lực cho nhóm các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và DNNVV tham gia các chuỗi liên kết nhằm thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tự chủ của nền kinh tế Việt Nam. Trong các nhóm hỗ trợ trên thì có chính sách hỗ trợ tư vấn thuộc nhóm hỗ trợ chung dành cho tất cả các DNNVV.

2. Nội dung chính sách hỗ trợ tư vấn

Khoản 2 Điều 14 Luật hỗ trợ DNNVV quy định “các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

Trên cơ sở quy định trên, Điều 13 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ tư vấn như sau:

2.1. Về tư vấn viên và tổ chức mạng lưới tư vấn viên

Thứ nhất, về mạng lưới tư vấn viên

Nghị định quy định mạng lưới tư vấn viên được xây dựng trên cơ sở cá nhân, tổ chức tư vấn đã và đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc hình thành mới, đảm bảo nguyên tắc:

- Đối với cá nhân tư vấn phải đảm bảo về trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và tiêu chí về tư vấn viên của bộ, cơ quan ngang bộ nơi cá nhân tư vấn dự kiến đăng ký. Theo đó, cá nhân tư vấn là công dân Việt Nam (không bao gồm cán bộ, công chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức) và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Đối với tổ chức tư vấn phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và tiêu chí về tổ chức tư vấn của bộ, cơ quan ngang bộ nơi tổ chức tư vấn dự kiến đăng ký. Tổ chức tư vấn là các tổ chức có tư cách pháp nhân, thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có chức năng tư vấn cho doanh nghiệp.

Thứ hai, về đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên

- Đối với cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với tổ chức tư vấn, hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp

luật (đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện).

- Cá nhân, tổ chức tư vấn nộp hồ sơ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới đơn vị được giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ để được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên (các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì gửi bản dịch tiếng Việt có chứng thực) và được công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời hạn 10 ngày làm việc.

- Tư vấn viên truy cập vào Cổng thông tin, đăng ký và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp tài khoản để cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên. Tư vấn viên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được công khai trên Cổng thông tin.

- Sau khi được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và được công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, tư vấn viên truy cập vào Cổng thông tin (tại địa chỉ www.business.gov.vn) để đăng ký vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên và thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ ba, về hình thành mạng lưới tư vấn viên

- Căn cứ ngành, lĩnh vực phụ trách, các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành một hoặc một số quyết định (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT) quy định về lĩnh vực tư vấn, tiêu chí công nhận tư vấn viên, các trường hợp tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên khi vi phạm pháp luật hoặc thuộc các trường hợp bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên theo quy định của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Tiêu chí công nhận tư vấn viên cần cụ thể trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác và các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của cơ quan quản lý.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện công nhận hoặc ủy quyền cho một hoặc một số đơn vị thuộc, trực thuộc (sau đây gọi là đơn vị công

nhận tư vấn viên) công nhận tư vấn viên tham gia mạng lưới và rà soát các trường hợp tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới.

+ Hoạt động công nhận tư vấn viên tham gia mạng lưới gồm: rà soát hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới; liên hệ và hướng dẫn tư vấn viên hoàn thiện hồ sơ; công nhận tư vấn viên thuộc mạng lưới; hướng dẫn tư vấn viên đăng ký tài khoản và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu tư vấn viên trên Cổng thông tin; xác nhận đề tư vấn viên được công khai trên Cổng thông tin.

+ Hoạt động đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới gồm: rà soát hồ sơ tư vấn viên thuộc mạng lưới; liên hệ và thông báo cho tư vấn viên về việc sẽ bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên; lập danh sách tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới; rút hồ sơ tư vấn viên trên Cổng thông tin.

- Đơn vị công nhận tư vấn viên thực hiện công khai lĩnh vực tư vấn, tiêu chí công nhận tư vấn viên vào mạng lưới và danh sách tư vấn viên thuộc mạng lưới, danh sách tư vấn viên đưa ra khỏi mạng lưới tại trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ hoặc tại trang thông tin của đơn vị công nhận tư vấn viên.

- Đơn vị công nhận tư vấn viên đăng ký và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp một hoặc một số tài khoản trên Cổng thông tin để trực tiếp thực hiện hoạt động quy định trên

2.2. Nội dung và mức hỗ trợ tư vấn

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành) như sau:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và

doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

- Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.

3. Quy trình, thủ tục đề nghị hỗ trợ tư vấn và lưu ý.

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ

Doanh nghiệp chuẩn bị một bộ hồ sơ, gồm:

-Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP;

-Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).

Bước 2: Nộp hồ sơ

Doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để xem xét, quyết định.

Bước 3: Giải quyết hồ sơ

- Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét hồ sơ, quyết định và có thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ

doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo để doanh nghiệp biết. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ và đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, trong thông báo thể hiện rõ nội dung, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí khác (nếu có).

-Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp có khả năng cung cấp trực tiếp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho: sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp cùng với doanh nghiệp tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.

-Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp (gọi chung là bên cung cấp): Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với bên cung cấp và doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, ba bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.

-Việc sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các trường hợp nêu trên thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.

***Lưu ý:** Doanh nghiệp lưu ý nội dung, quy trình hỗ trợ nêu trên không bao gồm hỗ trợ tư vấn pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ tư vấn pháp luật thì thực hiện theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 26/09/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể:

Bước 1: Tiếp cận mạng lưới tư vấn và chuẩn bị hồ sơ

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó.

-Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

+ Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu được quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

+ Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu rõ nội dung tư vấn, phí dịch vụ tư vấn.

Bộ, cơ quan ngang bộ phải công khai địa chỉ đơn vị đầu mối, phương thức điện tử tiếp nhận hồ sơ đề nghị trên cổng thông tin điện tử của mình.

Bước 2: Thụ lý giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ xem xét thông báo bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 và các quy định tại Nghị định 55/2019/NĐ-CP. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ chi phí thì phải nêu rõ lý do.

Bước 3: Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ tư vấn

Trường hợp được bộ, cơ quan ngang bộ đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và sau khi có văn bản tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật thì doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật vụ việc, vướng mắc được hỗ trợ. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Văn bản tư vấn pháp luật, bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp;

- Văn bản đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật có xác nhận của tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa được tư vấn, trong đó có viện dẫn số và ngày của văn bản đồng ý theo quy định tại khoản 3 Điều này, tên người thụ hưởng và số tài khoản, ngân hàng của người thụ hưởng;

- Hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật.

**** Mức hỗ trợ tư vấn pháp luật:***

- + Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm;

- + Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm;

- + Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;

4. Thực trạng công tác hỗ trợ tư vấn thông qua mạng lưới tư vấn viên và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới tư vấn viên

Mặc dù hành lang pháp lý triển khai chính sách hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp hiện nay đã hoàn thiện, đầy đủ. Tuy nhiên, kể từ khi Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực thi hành, thì việc triển khai chính sách này trong thời gian qua vẫn còn rất hạn chế. Hiện nay vẫn chưa có thống kê chính thức về số lượng các vụ việc doanh nghiệp được hỗ trợ tư vấn thông qua mạng lưới tư vấn viên.

Theo Báo cáo 02 năm triển khai Luật hỗ trợ DNNVV của Bộ kế hoạch và đầu tư tại thời điểm đến tháng 01/2020 thì các Bộ, cơ quan ngang bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ mới đang khẩn trương xây dựng hình thành mạng lưới tư vấn viên thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Thời điểm trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được báo cáo của Bộ, cơ quan ngang Bộ về việc hoàn thành xây dựng mạng lưới tư vấn viên. Do đó, các cơ quan hỗ trợ DNNVV thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh chưa thể thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp NVV thông qua mạng lưới tư vấn viên.



Ảnh minh họa

Tuy nhiên, thực tế thì việc hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp đã được Bộ Tư pháp triển khai từ năm 2012 thông qua việc thiết lập, duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật theo Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành giành cho doanh nghiệp giai

đoạn 2009 – 2014 và 2015 – 2020 tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành giảm cho doanh nghiệp (Báo cáo số 292/BC-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ Tư pháp) thì Ban Quản lý Chương trình 585 – Bộ Tư pháp đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại 30 địa bàn kinh tế có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (Điện Biên, Hòa Bình, Bắc Giang, Quảng Nam, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hải Phòng, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Bình Thuận, Cần Thơ, Long An, Kiên Giang, Ninh Bình, Hậu Giang, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình...); trong đó, có 09 địa phương triển khai Chương trình tư vấn pháp luật trên truyền hình, gồm: Thanh Hóa, Bình Định, Hòa Bình, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hà Nam, Bình Thuận, Cần Thơ, Khánh Hòa. Hoạt động này được thực hiện bởi 05 đơn vị: Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình, Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình và Trung tâm hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực thuộc Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Việc triển khai mạng lưới tư vấn pháp luật tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn đã tăng cường tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp tại các địa phương được hỗ trợ. Thông qua hỏi đáp, trả lời tư vấn bằng văn bản, các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật.

Đến thời điểm hiện tại, một số Bộ ngành đã bước đầu xây dựng được mạng lưới tư vấn viên do Bộ Ngành quản lý, bao gồm các ngành: ngành Kế hoạch và Đầu tư, ngành Tư pháp... Doanh nghiệp muốn tìm hiểu danh sách tổ chức, cá nhân tham gia mạng lưới tư vấn viên ngành kế hoạch đầu và tư có thể tìm kiếm trên website <https://business.gov.vn/tu-van-vien>,

nếu là mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thì có thể hiểu trên website <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?l=MangluoituvanvienBTP>

Trên website <https://business.gov.vn>, không chỉ xây dựng danh sách mạng lưới tư vấn viên của ngành kế hoạch và đầu tư mà còn xây dựng mạng lưới tư vấn viên của một số ngành, gồm: công thương, ngành khoa học và công nghệ, ngành tài chính. Tuy nhiên, danh sách cụ thể cá nhân, tổ chức tham gia lưới tư vấn viên của các ngành này vẫn chưa được cập nhật cụ thể lên website này

Như vậy có thể thấy, mặc dù chính sách hỗ trợ tư vấn đã được cụ thể hóa trong Luật hỗ trợ DNNVV từ năm 2017, nhưng việc triển khai chính sách này trên thực tế còn rất nhiều hạn chế, thực trạng này có một phần nguyên nhân cũng do sự ảnh hưởng đại dịch covid -19 trong thời gian qua. Còn rất nhiều Bộ ngành ở trung ương và địa phương đến thời điểm hiện tại vẫn chưa xây dựng và công bố được mạng lưới tư vấn viên thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý. Trong khi đó thực tế nhu cầu hỗ trợ tư vấn, giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực là rất lớn. Điều này rất thiệt thòi cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, khả năng tài chính còn hạn chế, khó khăn khi tiếp cận dịch vụ tư vấn trên thị trường. Vì vậy, nếu các doanh nghiệp này được tiếp cận thường xuyên mạng lưới tư vấn của các Bộ, Ngành trung ương, địa phương quản lý thì sẽ hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết được phần nào các khó khăn, vướng mắc doanh nghiệp gặp phải trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Do đó, để triển khai chính sách hỗ trợ tư vấn có hiệu quả, trong thời gian tới cần phải có sự phối kết hợp thường xuyên giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ Ngành khác ở cả trung ương và địa phương. Cụ thể:

Thứ nhất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có văn bản hướng dẫn, đôn đốc các Bộ Ngành Trung ương và Ủy ban nhân các tỉnh khẩn trương xây dựng mạng lưới tư vấn viên thuộc lĩnh vực quản lý của các Ngành. Đồng thời công bố danh sách

mạng lưới tư vấn viên lên website của Bộ chuyên ngành và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thứ hai, cần xây dựng Đề án/Quy chế vận hành, phối hợp mạng lưới tư vấn viên giữa Bộ Kế hoạch Đầu tư và các Bộ Ngành khác trong quá trình hoạt động của mạng lưới tư vấn. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các Bộ Ngành khác cần tổ chức Hội nghị tổng kết kết quả hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, công tác phối hợp giữa các Bộ Ngành trong việc hình thành, vận hành mạng lưới tư vấn viên, đánh giá những kết quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm và những tồn tại, hạn chế cần khắc phục để giúp mạng lưới tư vấn viên hoạt động hiệu quả, thiết thực hơn.

Thứ ba, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm cần thường xuyên tổ chức mẫu các khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng, quy trình, kiến thức chung cho tư vấn viên thuộc mạng lưới tư vấn viên của các Bộ Ngành trung ương, địa phương. Trên cơ sở đó, các Bộ Ngành sẽ xây dựng các khóa đào tạo kỹ năng, kiến thức đặc thù liên quan đến lĩnh

vực quản lý chuyên ngành cho tư vấn viên. Qua đó giúp hoạt động của mạng lưới tư vấn viên được chuyên nghiệp, hiệu quả.

Thứ tư, cần thực hiện tốt công tác truyền thông về tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên tới cộng đồng doanh nghiệp để doanh nghiệp biết và tiếp cận hỗ trợ tư vấn. Hàng quý các Bộ Ngành nên tổ chức Hội nghị đối thoại giữa mạng lưới tư vấn viên và doanh nghiệp để trao đổi về các vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp và các vướng mắc khác mà doanh nghiệp có nhu cầu được tư vấn.

Như vậy, để thúc đẩy hình thành, phát triển mạng lưới tư vấn viên của các Bộ Ngành ở Trung ương và địa phương thì vai trò điều phối, hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là rất quan trọng. Đồng thời, thời gian tới các Bộ Ngành ở trung ương và địa phương cũng cần phải chủ động, quan tâm hơn tới việc thúc đẩy hình thành, phát triển mạng lưới tư vấn viên thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CẦN GẮN KẾT VỚI NHU CẦU PHỤC HỒI SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

Bùi Huyền

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp



Ảnh minh họa

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã trải qua hơn 10 năm triển khai chính thức ở Việt Nam (từ năm 2008 đến nay) và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Chính vì vậy, lần đầu tiên, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã ghi nhận: “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có bước phát triển mạnh”, đồng thời đã xác định trọng tâm và các định hướng của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian tới là: Hỗ trợ doanh nghiệp các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp... Những định hướng nêu trên trong chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đến nay còn giữ

nguyên giá trị, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, đại dịch Covid-19 toàn cầu đã và đang ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta.

Giai đoạn năm 2020 - 2022, khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã kịp thời triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý liên quan cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần giúp doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, sau quá trình triển khai thực hiện, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc nhất định cần khắc phục trong thời gian tới. Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu, trao đổi, tìm ra các giải pháp hữu

hiệu để nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

1. Chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước ta

Trong thời gian qua, Nhà nước tăng cường mạnh mẽ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở ban hành các quy định pháp luật, năm 2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành, trong đó lần đầu tiên quy định chính sách hỗ trợ, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp; ngày 24/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 55/2019/NĐ-CP). Theo đó, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không chồng chéo, trùng lặp. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu tiên thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý. Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 4 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

Ngày 09/9/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 (Nghị quyết số 105/NQ-CP). Việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP thể hiện sự quan tâm, đồng hành của Nhà nước đối với doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay, đồng thời là sự ghi nhận, đánh giá cao vai trò của khu vực kinh tế này. Nhà nước không phải

là chủ thể duy nhất có thể hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng cho doanh nghiệp (còn có các chủ thể khác như các hiệp hội doanh nghiệp, câu lạc bộ, luật sư... cũng có thể thực hiện công việc này một cách độc lập hoặc cùng Nhà nước thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) nhưng Nhà nước cần đóng vai trò chính trong hoạt động này trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới. Theo đó, Nghị quyết số 105/NQ-CP đưa ra 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành, địa phương để thực hiện các nhóm giải pháp này; các giải pháp này là khả thi, hiệu quả, được đánh giá là “chiếc phao cứu sinh” cứu giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang gần như đang đuối sức trước tác động của đại dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Để thực hiện chủ trương của Chính phủ là “không để ai bị bỏ lại phía sau”, “mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khỏe mạnh thì đất nước khỏe mạnh”.

2. Nhu cầu hỗ trợ pháp lý để phục hồi sản xuất kinh, doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa sau đại dịch Covid-19

Dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến trật tự, kinh tế - xã hội của thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2021, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường rất lớn, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020 (năm 2022 dự báo con số có thể còn tăng hơn năm 2021). Riêng năm 2021, trung bình mỗi ngày có gần 300 doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể, phá sản (trung bình hàng tháng có khoảng 10.000 doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể, phá sản)¹, tính đến ngày 30/11/2021, có 106.000 doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể, phá sản trên cả nước². Nhiều doanh nghiệp

¹ Cẩm Tú: *Mỗi ngày, cả nước có 287 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể*, <https://vov.vn/kinh-te/moi-ngay-ca-nuoc-co-287-doanh-nghiep-tam-ngung-hoat-dong-giai-the-1089679.vov>. Ngày đăng: Thứ Hai, 08:12, 31/08/2020.

² Nguyễn Văn: *Hơn 106.000 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động*, <https://cafeland.vn/tin-tuc/hon-106000-doanh-nghiep-giai-the-ngung-hoat-dong-104672.html>.



Ảnh minh họa

nhỏ và vừa vốn đã yếu về vốn, nhân lực, nguồn lực, kinh phí, khoa học, công nghệ... lại càng bị cạn kiệt sức lực do bối cảnh dịch Covid-19 năm 2020, 2021 diễn ra trên toàn thế giới. Đây là con số đáng kể để các nhà quản lý, các chuyên gia và những người xây dựng chính sách pháp luật cần phải suy nghĩ sâu sắc để có các hành động, biện pháp cụ thể phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Đây cũng là con số phản ánh đúng thực tiễn quy luật thị trường kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Trong số 810.000 doanh nghiệp Việt Nam đăng ký hoạt động có đến 97,7% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ. Vì vậy, nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh dịch Covid-19 và hậu dịch Covid-19 là rất lớn. Trên thực tế, nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong việc giải quyết các khó khăn pháp lý trong kinh doanh ở Việt Nam luôn được xếp ở vị trí cao hơn cả nhu cầu tìm kiếm mặt bằng kinh doanh phù hợp, nhu cầu tìm kiếm nhà cung cấp và nhu cầu tìm kiếm công nghệ...³ vì thực tiễn doanh

nh nghiệp Việt Nam cho thấy, nhận thức về vai trò, ý nghĩa pháp luật của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc thực hiện pháp luật, hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp còn nhiều bất cập; các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật.

Theo đó, nhu cầu hỗ trợ pháp lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên quan đến các vấn đề cơ bản như: (i) Nhu cầu hỗ trợ pháp lý trong giải quyết nhanh gọn, hiệu quả các tranh chấp pháp lý phát sinh do doanh nghiệp phải ngừng, chấm dứt hoạt động, hợp đồng với đối tác do ảnh hưởng của dịch Covid-19; (ii) Khi dịch được từng bước kiểm soát, thì rất nhiều thương nhân, người kinh doanh sẽ có nhu cầu khởi nghiệp, bắt đầu lại việc kinh doanh trong bối cảnh mới thay đổi sau dịch Covid-19, do đó, nhu cầu về hỗ trợ các vấn đề pháp lý trong khởi nghiệp, sáng tạo hậu Covid-19 của các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất lớn; (iii) Nhu cầu tư vấn, hỗ trợ trực tuyến, bồi dưỡng pháp lý, xử lý các vấn đề, vụ việc cụ thể đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng

³ Kết quả Điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

được đánh giá là nhu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay⁴.

3. Giải pháp

Để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cuộc sống đang đặt ra, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện cơ sở pháp lý về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng thông qua việc rà soát khó khăn, vướng mắc và đưa ra hướng khắc phục (xây dựng cơ sở dữ liệu về phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại, quyết định xử lý vi phạm hành chính); đồng thời, bổ sung cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý có tính mới, khuyến khích đổi mới sáng tạo...

Hai là, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các thiết chế bảo đảm, hỗ trợ việc tiếp cận pháp luật và thực hiện quyền, bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 55/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ba là, thúc đẩy năng lực và trách nhiệm của các cơ quan, chủ thể có thẩm quyền trong hoạt động cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trọng tâm là thực hiện kịp thời, đầy đủ trách nhiệm cung cấp thông tin pháp lý theo Nghị định số 55/NĐ-CP; chú trọng đổi mới hình thức, phương pháp, mô hình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; củng cố và phát triển đội ngũ tư

vấn viên, tuyên truyền viên pháp luật, nhất là người làm công tác pháp chế cho doanh nghiệp; tổ chức tọa đàm, hội nghị, đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, cần sự phối hợp và vào cuộc quyết liệt giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Bốn là, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đẩy mạnh truyền thông với các hình thức phong phú và đa dạng. Đẩy mạnh truyền thông bài bản, chuyên nghiệp, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp; kết nối truyền thông giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp; đánh giá cụ thể hiệu quả, lấy hiệu quả của doanh nghiệp làm trọng tâm; chủ động đối thoại với doanh nghiệp. Đồng thời, cần nâng cấp về nội dung và hình thức Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lên Cổng Thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với nhiều chuyên trang, chuyên mục hấp dẫn tạo sức lan toả và thu hút doanh nghiệp tham gia, đồng hành để chương trình ngày càng lớn mạnh và hiệu quả hơn.

Năm là, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chủ động hơn nữa trong việc tiếp cận thông tin pháp luật thông qua hoạt động cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật... của các cơ quan, chủ thể thực hiện hỗ trợ pháp lý để kịp thời nắm bắt và thực thi nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

⁴ “Đẩy mạnh hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh dịch Covid-19”, <https://tienphong.vn/day-manh-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-trong-boi-can-dich-covid-19-post1418961.tpo>, truy cập ngày 20/8/2022.

TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ VỀ THÔNG TIN ĐỂ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIẾP CẬN ĐƯỢC VỚI CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH MỚI NHẪM PHỤC HỒI NHANH VÀ BỀN VỮNG

ThS. Nguyễn Thị Vinh

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp

Nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp vượt qua những khó khăn hậu Covid-19, Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt và ban hành kịp thời nhiều cơ chế, chính sách và giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ được đánh giá là rất phù hợp với kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

1. Chính sách, quy định mới giúp doanh nghiệp phát triển nhanh và bền vững

Từ đầu năm 2022, với chủ trương sống an toàn với dịch bệnh, tập trung phục hồi, phát triển kinh tế, xã hội, ngày 11/01/2022 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết số 43/2022/QH15), trong đó có các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp như chính sách miễn, giảm thuế; chính sách đầu tư phát triển; chính sách tiền tệ... Đây là chương trình phục hồi kinh tế toàn diện và quy mô gần như lớn nhất trong lịch sử được thông qua, việc tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ tại Nghị quyết này sẽ tạo thêm nhiều động lực và “sức bật” cho nền kinh tế.

Tiếp theo đó, để triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15, ngày 30/01/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15, theo đó, để hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí tiếp tục được áp dụng. Trọng tâm giải pháp mà Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đưa ra có 05 lĩnh vực chính: Mở cửa nền kinh tế gắn với đầu tư nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh; bảo đảm an sinh xã hội và hỗ

trợ việc làm; hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó triển khai miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, doanh nghiệp có thể được: (i) Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm và được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân trong giai đoạn 2022 - 2023. Tổng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất tối đa 3.000 tỷ đồng. (ii) Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm 2022 - 2023 thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi trong các ngành, lĩnh vực: Hàng không, vận tải kho bãi; du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, giáo dục và đào tạo; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo (đã bao gồm máy móc, trang thiết bị, thuốc, hoá dược, dược liệu); xuất bản phần mềm; lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan; hoạt động dịch vụ thông tin; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua. Điều kiện hỗ trợ là thuộc đối tượng thụ hưởng, đã được vay vốn hoặc đáp ứng các điều kiện vay vốn, được ngân hàng thương mại chấp thuận.



Ảnh minh họa: Chính sách giúp doanh nghiệp phát triển bền vững

Nguồn: Internet

Toàn bộ Chương trình thực hiện trong 02 năm (2022 - 2023). Chương trình đòi hỏi rất lớn cả về quy mô và thời gian thực hiện.

Để Chương trình sớm đi vào cuộc sống, ngày 12/2/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Công điện số 126/CĐ-TTg gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đôn đốc triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công...

Theo phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp, quá trình thực thi các giải pháp hỗ trợ đã được thực hiện trên thực tế còn gặp phải hạn chế, bất cập. Việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ chưa được lan tỏa, khiến nhiều doanh nghiệp chưa tiếp cận được, nhất là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Theo kết quả khảo sát trên 483 doanh nghiệp thuộc các nhóm ngành khác nhau, có 58,38% doanh nghiệp tiếp cận được các hỗ trợ tài khóa (282 doanh nghiệp đã tiếp cận). Trong đó, ngành nông - lâm - ngư nghiệp có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận với gói hỗ trợ tài khóa cao nhất và các ngành có tỷ lệ tiếp cận thấp là ngành xây dựng, thương mại và bán lẻ. Trong các chính sách hỗ

trợ, chính sách được các doanh nghiệp tiếp cận nhiều nhất là (i) Giảm và hoãn thuế thu nhập doanh nghiệp (35,8%); (ii) Giảm và hoãn tiền thuê đất (24,6%); (iii) Giảm và hoãn các loại thuế phí khác (22,77%); (iv) Giảm và hoãn như thuế GTGT (18,4%), ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là chính sách hỗ trợ được tiếp cận ít nhất (12,21%)¹.

2. Giải pháp tăng cường hỗ trợ thông tin giúp doanh nghiệp tiếp cận với chính sách, quy định mới hiệu quả

Để các chính sách hỗ trợ của nhà nước nhanh chóng được triển khai, phát huy hiệu quả trên thực tiễn, thì công tác hỗ trợ thông tin giúp doanh nghiệp tiếp cận với chính sách, quy định mới giữ vai trò quan trọng, là khâu đầu tiên của quá trình đưa các chính sách hỗ trợ vào cuộc sống. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này cũng cần được đổi mới để đạt được những hiệu quả tốt hơn trên thực tiễn, cụ thể:

Một là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin, tuyên truyền

¹ <https://tapchinganhang.gov.vn/kha-nang-tiep-can-cua-doanh-nghiep-doi-voi-cac-goi-ho-tro-tai-khoa-trong-boi-canh-dai-dich-covid-19-.htm>.



Hội nghị đối thoại về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Nguồn: Nhà báo Vũ Hải Việt

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học 4.0 không còn xa lạ với người dân, nó được nhắc tới thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhiều hội thảo, diễn đàn được tổ chức để bàn luận, trao đổi, nghiên cứu về tác động của cuộc cách mạng khoa học này tới đời sống xã hội. Cách mạng khoa học 4.0 được hiểu là một cuộc đại cách mạng về khoa học và công nghệ mà ở đó các hệ thống thông minh chiếm vai trò chủ đạo, các hệ thống này có thể gồm: Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), hệ thống nhúng (embedded system), hay các hệ thống tự động hóa, các hệ thống mạng cảm ứng (sensor networks), các hệ thống thời gian thực và các công nghệ in 3 chiều hay 4 chiều... mà trung tâm của cuộc cách mạng này là giao tiếp giữa các nền tảng thông minh như các hệ thống thông minh di động, các hệ thống nhà máy thông minh hay các hệ thống tòa nhà dân dụng thông minh.

Bên cạnh đó, người ta còn hướng tới các nền tảng còn chưa trở nên thông dụng và chưa thành sản phẩm thương mại, ví dụ như các thiết bị đeo trên người (wearables) như vòng đeo tay hoặc kính. Mức độ “đa nền tảng” cũng ngày càng trở nên cao cấp hơn chứ không chỉ đơn giản là việc sử dụng cùng một mật khẩu để truy cập. Độc giả xem báo in có thể dùng điện thoại di động “đánh

dấu” một bài viết và xem lại trên thiết bị điện tử khi có thời gian, hoặc truy cập mã QR để theo dõi các sản phẩm đa phương tiện như đồ họa hoặc video. Hoặc một độc giả đang theo dõi một bài viết trên máy tính, khi rời bàn làm việc để di chuyển thì có thể truy cập thẳng vào bài viết đó trên máy tính bảng hoặc điện thoại di động. Nhờ tính năng cá nhân hóa và địa phương hóa, hệ thống có thể “hiểu” nhu cầu người dùng để giới thiệu loại nội dung phù hợp trên mọi nền tảng. Các thiết bị đeo trên người được cho là nền tảng tương lai mang lại hiệu quả to lớn cho nhiều mặt của cuộc sống. Vì vậy, để tuyên truyền hiệu quả các chính sách mới về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật truyền thống cần phải đổi mới nhất định, cần áp dụng mạnh mẽ, hiệu quả các thành tựu của công nghệ trong công tác này.

Phương thức tuyên truyền hiện nay vẫn nặng tuyên truyền một chiều, việc trao đổi chưa được thường xuyên, liên tục. Trong điều kiện hiện nay, công nghệ thông tin và internet phát triển mạnh mẽ, người dân “chuộng” mạng xã hội, vì tính tiện lợi, truy cập nhanh, dễ dàng phản biện, trao đổi... Do đó, bên cạnh các phương thức tuyên truyền truyền thống, để phát huy hiệu quả việc tuyên truyền các chính sách hỗ trợ cho doanh

ngiệp, các cơ quan chức năng nên tận dụng, phát huy hiệu quả của mạng xã hội, tiến hành công tác tuyên truyền thông qua mạng internet một cách trực diện, liên tục, xây dựng những kênh thông tin trên môi trường mạng vừa tin cậy đối với Đảng và Nhà nước, vừa thân thiện với cộng đồng mạng để thực hành công tác thông tin, tuyên truyền một cách nhanh nhạy, hiệu quả, việc trao đổi cũng thuận tiện, kịp thời và ít tốn kém.

Hai là, thay đổi tư duy, nội dung tuyên truyền

Có thể thấy việc tuyên truyền trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay chủ yếu là thông tin một chiều từ phía các quan nhà nước, các cấp có thẩm quyền, tuyên truyền theo kế hoạch đề ra mà gần như ít có sự tương tác với doanh nghiệp, chưa thực sự nghiên cứu nhu cầu của từng đối tượng doanh nghiệp, chưa có các chuyên mục tư vấn pháp luật doanh nghiệp trên báo chí, hay trả lời, giải đáp thư bạn đọc. Có nhiều trường hợp, sau khi đọc, xem các bài viết có nội dung tuyên truyền pháp luật, doanh nghiệp không hiểu được căn cứ.

Doanh nghiệp gặp khó khăn do hậu Covid-19, phần lớn là những doanh nghiệp nhỏ và vừa, không có bộ phận pháp chế hay có điều kiện thuê công ty luật tư vấn. Cần tuyên truyền đến từng loại đối tượng doanh nghiệp những vấn đề mà họ cần, thực hiện tuyên truyền cần có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, chung chung. Để làm được điều này hiệu quả, cần lọc đối tượng tuyên truyền với mục đích tuyên truyền đúng nội dung cho từng loại đối tượng. Ví dụ: Nhóm doanh nghiệp chuyển số, bên cạnh những quy định chung hỗ trợ về thuế, về vốn... cần được tuyên truyền về các quy định nhằm hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp thông qua tích hợp, áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/01/2021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

Ba là, nâng cao vai trò cơ quan quản lý nhà nước trong công tác hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là một nhiệm vụ quan trọng của các bộ, cơ quan

ngang bộ, chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên trên thực tế, nhân lực thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của bộ, ngành và địa phương còn kiêm nhiệm thực hiện, không bố trí nhân sự cụ thể, xác định nhiệm vụ rõ ràng; cơ sở vật chất và phương tiện thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý liên ngành còn hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu; chế độ thù lao cho các cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý vẫn chưa đủ để mang tính khuyến khích cũng như tạo điều kiện cho nhân sự thực hiện công tác này². Vì vậy, cần kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự thực hiện quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, quan tâm đến việc sắp xếp, bố trí nhân sự chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo hình, hình thành bộ phận chuyên trách thực hiện quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để có vị trí, chức năng rõ ràng, độc lập trong việc thực hiện quản lý nhà nước, trên cơ sở đó, nhiệm vụ hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp sẽ được thực hiện bài bản, thường xuyên và hiệu quả hơn.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết công tác hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết công tác hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó, phát huy những phương thức đạt hiệu quả cao, đồng thời, phát hiện các vướng mắc, khó khăn, kịp thời điều chỉnh các nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

² <https://sotuphap.haiduong.gov.vn/ViewDetail/ZB75f6DRfaQ@/vai-tr%C3%B2-c%E1%BB%A7a-b%E1%BB%99-t%C6%B0-ph%C3%A1p-trong-c%C3%B4ng-t%C3%A1c-h%E1%BB%97-tr%E1%BB%A3-ph%C3%A1p-l%C3%BD-cho-doanh-nghi%E1%BB%87p-nh%E1%BB%8F-v%C3%A0-v%E1%BB%ABa-trong-b%E1%BB%91i-c%E1%BA%A3nh-hi%E1%BB%87n.html>

BẢN TIN ĐIỆN TỬ
MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH SAU ĐẠI DỊCH COVID-19
NHỮNG VẤN ĐỀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CẦN LƯU Ý